

## MỞ ĐẦU

*Các em học sinh thân mến!*

Bộ tài liệu *Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp* này chỉ mang tính chất nội bộ của nhà trường. Chúng tôi chỉ mong muốn hệ thống hoá những kiến thức các em đã được học trong chương trình lớp 12 một cách ngắn gọn nhất, đầy đủ nhất, dễ học nhất để giúp các em ôn tập tốt hơn và đạt kết quả cao nhất trong kì thi tốt nghiệp THPT.

Bộ tài liệu đã soạn tất cả các tác phẩm văn học có trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cấu trúc đề thi và đề thi tốt nghiệp năm học 2008 – 2009, chúng tôi lưu ý các em một số vấn đề sau đây:

**1. Về cấu trúc đề thi:** Đề thi vẫn có hai phần, **phần chung** và **phần riêng** với tỉ lệ điểm là 5-5. Điểm khác là, các em được chọn phần riêng phù hợp với năng lực của mình để làm. Chẳng hạn, nếu em học chương trình nâng cao thì vẫn có thể chọn câu hỏi dành cho học sinh học chương trình chuẩn để làm và ngược lại. Các em chỉ được phép làm một phần riêng, nếu làm cả hai phần riêng thì không được tính điểm.

### **2. Về chương trình thi:**

**a - Đối với học sinh học theo chương trình nâng cao thì lưu ý các bài học sau đây:**

- + *Tiếng hát con tàu.*
- + *Con đường trở thành kẻ sĩ hiện đại.*
- + *Tư duy hệ thống, nguồn sức sống mới của đời mới tư duy.*
- + *Một người Hà Nội.*
- + *Tác gia Nguyễn Tuân.*

Những bài học này, các em có mấy lựa chọn sau đây:

**Thứ nhất:** Không cần học những bài này. Vì, các em sẽ chọn phần riêng dành cho học sinh học theo chương trình chuẩn để làm.

**Thứ hai:** Các em đọc kỹ *Tiếng hát con tàu*, *Một người Hà Nội* thì rất dễ có câu hỏi phần riêng 5 điểm dành cho các em rơi vào hai bài học này.

**b - Qua nghiên cứu đề thi năm học 2008 – 2009, các bài học sau đây các em cũng ít cần quan tâm hơn:**

+ *Vợ chồng A Phủ*. Lí do, năm trước đã có đề thi về giá trị nhân đạo của tác phẩm dành cho chương trình chuẩn.

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông*. Lí do, năm trước đã có đề thi về hình tượng sông Hương của tác phẩm dành cho chương trình nâng cao.

+ *Thuốc*. Lí do, năm trước đã có đề thi về câu chuyện tại quán trà của nhà lão Hoa Thuyên của tác phẩm ở phần chung.

Cuối cùng, không sự tư vấn nào tốt bằng sự nỗ lực của bản thân.

Chúc các em thành công!

**PHẦN 1: VĂN HỌC**  
**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM**  
**TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

**I. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN 1975.**

**1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá.**

- Nền văn học có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ và toàn diện của Đảng Cộng sản.
- Có sự thay đổi lớn về môi trường hoạt động văn nghệ so với thời kỳ trước.
- Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài suốt 30 năm đã tác động sâu sắc, mạnh mẽ tới đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân tộc.
- Nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển; điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài không thuận lợi, chỉ giới hạn trong một số nước (Liên Xô, Trung Quốc, Cu Ba, Bắc Triều Tiên, Cộng hoà dân chủ Đức).

**2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu**

**a. Giai đoạn 1: Từ năm 1945 đến năm 1954**

- **Đánh giá chung:** Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến, hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân.

**- Thành tựu:**

+ **Truyện ngắn và kí:** Nở rộ, đạt nhiều thành tựu, phản ánh chân thực hiệu mặt cuộc sống. Tác phẩm tiêu biểu: *Một lần tới Thủ đô* (Trần Đăng), *Đôi mắt*, *Nhật kí ở rừng* (Nam Cao), *Đất nước đứng lên* (Nguyễn Ngọc), *Truyện Tây Bắc* (Tô Hoài), ...

+ **Về thơ:** Thành tựu xuất hiện muộn hơn song có nhiều tác phẩm xuất sắc ca ngợi cuộc kháng chiến và con người kháng chiến, thể hiện chân thực tình cảm của con người trong kháng chiến, nghệ thuật thơ hướng về dân tộc: *Việt Bắc* (Tố Hữu), *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm), *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), *Đồng chí* (Chính Hữu), ...

+ **Kịch:** Xuất hiện muộn và không nhiều thành tựu. *Bắc Sơn*, *Những người ở lại* (Nguyễn Huy Tưởng), *Chị Hoà* (Học Phi).

+ **Lí luận, phê bình:** không nhiều thành tựu. *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam* (Trương Chinh), *Nhận đường*, *Mấy vấn đề nghệ thuật* (Nguyễn Đình Thi), *Giảng văn Chinh phụ ngâm* (Đặng Thai Mai).

**b. Giai đoạn 2: Từ 1955 đến 1964.**

- **Đánh giá chung:** Văn học có hai nhiệm vụ là phản ánh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

**- Thành tựu:**

+ **Văn xuôi:** Đề tài kháng chiến đã được nhìn sâu, toàn diện hơn, không chỉ ca ngợi tinh thần bất khuất, chủ nghĩa anh hùng mà còn phản ánh phần nào hi sinh, gian khổ, tổn thất và số phận con người trong chiến tranh. Tác phẩm tiêu biểu: *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai), *Trước giờ nổ súng* (Lê Khâm), *Vợ nhật* (Kim Lân), *Cửa biển* (Nguyễn Hồng), *Mùa lạc* (Nguyễn Khải), *Sóng Đà* (Nguyễn Tuân),...

+ **Thơ ca:** tập trung thể hiện những nguồn cảm hứng lớn như sự hoà hợp giữa cái chung và cái riêng; ca ngợi chủ nghĩa xã hội với cuộc sống mới, con người mới; nỗi đau chia cắt đất nước, nhớ thương miền Nam gắn liền với khát vọng giải phóng dân tộc. Tác phẩm tiêu biểu: *Gió lộng* (Tố Hữu), *Ánh sáng và phù sa* (Chế Lan Viên), *Riêng chung* (Xuân Diệu), *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời* (Huy Cận), *Tiếng sóng* (Tế Hanh), *Mồ anh hoa nở* (Giang Nam),...

+ **Kịch:** Được dư luận chú ý: *Một đảng viên* (Học Phi), *Ngọn lửa* (Nguyễn Vũ), *Chi Nhàn*, *Nổi gió* (Đào Hồng Cẩm)

### c. Giai đoạn 3: Từ 1965 đến 1975.

- **Đánh giá chung:** Văn học từ Bắc chí Nam huy động tổng lực vào cuộc chiến đấu, tập trung khai thác đề tài chống đế quốc Mĩ. Chủ đề bao trùm là ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ca ngợi Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

#### - Thành tựu:

+ **Truyện kí:** Phản ánh nhanh, kịp thời cuộc chiến đấu của nhân dân cả hai miền, biểu dương, ca ngợi những tấm gương anh hùng. Tác phẩm tiêu biểu: *Người mẹ cầm súng*, *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Hòn đất* (Anh Đức), *Mẫn và tôi* (Phan Tứ), *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (Nguyễn Tuân), *Vùng trời* (Hữu Mai), *Dấu chân người lính* (Nguyễn Minh Châu), *Bão biển* (Chu Văn),...

+ **Thơ ca:** Tập trung thể hiện cuộc ra quân vĩ đại cả dân tộc, khám phá sức mạnh của con người Việt Nam, nhận thức và đề cao sứ mệnh lịch sử, tầm vóc và ý nghĩa nhân loại của cuộc kháng chiến chống Mĩ, ghi nhận đóng góp của lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Tác phẩm tiêu biểu: *Ra trận*, *Máu và hoa* (Tố Hữu), *Hoa ngày thường-Chim báo bão*, *Những bài thơ đánh giặc* (Chế Lan Viên), *Vàng trắng quàng lửa* (Phạm Tiến Duật), *Đất ngoài ô*, *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm), *Gió Lào cát trắng* (Xuân Quỳnh),...

+ **Kịch:** Có những thành tựu đáng ghi nhận *Đại đội trưởng của tôi* (Đào Hồng Cẩm), *Đôi mắt* (Vũ Dũng Minh).

+ **Lí luận phê bình:** Nhiều công trình nghiên cứu có giá trị tập trung ở một số tác giả như Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên.

### d. Văn học vùng tạm địch tạm chiếm từ 1945 đến 1975.

- Văn học vùng địch tạm chiếm từ 1945 đến 1975 chia 2 giai đoạn :

+ Dưới chế độ thực dân Pháp ( 1945- 1954)

+ Dưới chế độ Mĩ - Nguy ( 1955-1975))

- Có nhiều xu hướng văn học tiêu cực, phản động như xu hướng “chống cộng”, xu hướng đòi truy.

- Xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng (bị đàn áp nhưng vẫn tồn tại). Nó phủ định chế độ bất công, tàn bạo và lên án bọn cướp nước và bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và ý thức dân tộc, cổ vũ nhân dân, tập hợp lực lượng xuống đường đấu tranh.

- Một bộ phận văn học có nội dung lành mạnh và giá trị nghệ thuật cao: viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, vẻ đẹp con người (Vũ Hạnh, Trần Quang Long, Đông Trinh, Vũ Bằng, Viễn Phương, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Sơn Nam, Võ Hồng...)

### ***e. Đánh giá khái quát thành tựu và hạn chế của văn học:***

- **Thành tựu:** Văn học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đào tạo đội ngũ nhà văn đông đảo gồm nhiều thế hệ; phát huy mạnh mẽ truyền thống tư tưởng của văn học dân tộc; đạt nhiều thành tựu về thể loại và phong cách tác giả.

- **Hạn chế:** Nhiều tác phẩm thể hiện con người và cuộc sống xuôi chiều, phiến diện; phong cách riêng của tác giả chưa được phát huy; vận dụng hời hợt phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

## **3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975:**

***a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.***

Đất nước 30 năm có chiến tranh, vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc vừa đấu tranh thống nhất nước nhà, văn học có nhiệm vụ tập trung phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu. Trong hoàn cảnh chiến tranh, Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội phải đặt lên hàng đầu. Gắn bó với nhân dân, đất nước là yêu cầu của thời đại và cũng là tình cảm ý thức của mỗi nhà văn.

***b. Nền văn học hướng về đại chúng (mang tính nhân dân sâu sắc).***

Lực lượng nòng cốt có tính quyết định chiến thắng là công - nông - binh. Vì vậy văn học hướng về đại chúng và có tính nhân dân, tính dân tộc là cảm hứng chủ đạo, là chủ đề của nhiều tác phẩm. Chủ đề văn học rõ ràng, ngắn gọn, nội dung dễ hiểu và thường tìm đến những hình thức nghệ thuật quen thuộc, ngôn ngữ bình dị, trong sáng, dễ hiểu.

***c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.***

Văn học đề cập đến những vấn đề lớn, mang tầm sử thi, viết với niềm tin tưởng, phơi phới lạc quan về chiến thắng cuối cùng của dân tộc.

## **II. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX.**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá:**

- Chiến tranh kết thúc, đời sống về tư tưởng tâm lí, nhu cầu vật chất của con người đã có sự thay đổi so với trước. Từ 1975 - 1985 ta lại gặp khó khăn về kinh tế sau cuộc chiến kéo

dài. Cộng thêm sự ảnh hưởng của hệ thống các nước XHCN ở Đông Âu bị sụp đổ, đời sống chính trị văn hoá có nhiều tác động lớn.

## **2. Những thành tựu chủ yếu**

- Văn học Việt Nam bước vào thời kì đổi mới. Văn học vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân dân, nhân bản sâu sắc, có tính hướng nội, quan tâm số phận cá nhân trong hoàn cảnh phức tạp, đời thường, có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.

**a. Về văn xuôi:** Phóng sự, tiểu thuyết phóng sự, kịch bản sân khấu phát triển mạnh do nhu cầu bức xúc chống tiêu cực. Về sau, nghệ thuật kết tinh hơn ở truyện ngắn và tiểu thuyết.

**b. Về thơ:** Viết trường ca ở các nhà thơ xuất thân quân đội: *Những người đi tới biển*, *Những ngọn sóng mặt trời* của Thanh Thảo, *Đường tới thành phố* của Hữu Thịnh,...

**c. Các thể loại khác:** Chưa có thành tựu đáng kể.

## **3. Những đổi mới về nội dung và nghệ thuật:**

- Trước 1975, đối tượng của văn học chủ yếu là con người lịch sử, là nhân vật sử thi. Sau 1975, con người được nhìn nhận ở phương diện cá nhân và trong quan hệ đời thường.

- Những nguồn cảm hứng mới cho người cầm bút: cảm hứng thế sự tăng mạnh trong khi cảm hứng sử thi giảm dần. Từ đó, văn học quan tâm nhiều tới số phận cá nhân trong những quy luật phức tạp của đời thường, nội tâm của nhân vật được khai thác sâu hơn, bút pháp hướng nội được phát huy.

# TÁC GIA NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

(1890-1969)

## I. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ.

- Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung, sinh trong một gia đình có truyền thống khoa bảng. Quê tại Kim Liên – Nam Đàn - Nghệ An.

- Năm 1911, đổi tên thành Anh Ba và ra đi tìm đường cứu nước. Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và tiếp cận chủ nghĩa Mác – Lê Nin. Năm 1930, Người chủ trì hội nghị hợp nhất các Đảng Cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1941, người về nước trực tiếp chủ trì Hội nghị TW8 và thành lập mặt trận Việt Minh. Năm 1945, Người chỉ đạo thành công cuộc tổng khởi nghĩa. Người đã trực tiếp lãnh đạo dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Người mất năm 1969.

## II. QUAN ĐIỂM SÁNG TÁC.

- Hồ Chí Minh không có ý định xây dựng cho mình một sự nghiệp văn chương - Người không tự nhận mình là nhà văn. Sự nghiệp mà Người hằng theo đuổi là sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

- Người có quan điểm rõ ràng:

+ Văn chương là thứ vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng.

+ Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận đó.

+ Khi sáng tác bao giờ Người cũng xác định: *viết cho ai?* (đối tượng), *viết cái gì?* (nội dung), *viết như thế nào?* (hình thức) và *viết để làm gì?* (mục đích),

+ Nhà văn phải miêu tả cho hay, cho chân thực, cho hùng hồn, tránh sự cầu kỳ, xa lạ.

## III. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC.

### 1. Văn chính luận:

- Nội dung: Đây là những tác phẩm có tính chiến đấu, đấu tranh trực diện với kẻ thù và phục vụ những nhiệm vụ cách mạng của Đảng, dân tộc... *Tuyên ngôn độc lập; Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến...*

- Phong cách: Lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép và giàu tính hình tượng.

### 2. Truyện và ký: Chủ yếu sáng tác từ 1920 đến 1923.

- Nội dung: Tố cáo âm mưu, chính sách của chính quyền thực dân và bè lũ tay sai bán nước... *Vi hành; Những trò lố hay Varen và Phan Bội Châu...*

- Phong cách: Ngòi bút có tính chiến đấu cao, có sự kết hợp giữa nét truyền thống của văn học phương Đông và phong cách Châu Âu hiện đại.

### 3. Thơ ca:

- Nội dung: Giải bày tâm sự, cổ vũ, động viên tinh thần đoàn kết, đấu tranh, tuyên truyền đường lối của Đảng hoặc ghi lại hiện thực cuộc sống,... *Nhật kí trong tù; Nguyên tiêu; Báo tiếp*,...

- Phong cách: Có sự kết hợp nhuần nhuyễn chất cổ điển của thơ ca phương Đông và tinh thần hiện đại của chiến sĩ cộng sản.

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

- Hồ Chí Minh -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC PHẨM.

#### 1. Hoàn cảnh ra đời:

- Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ đang gặp rất nhiều khó khăn bởi âm mưu của các thế lực thù địch: Phía Bắc, 20 vạn quân Tưởng, đằng sau là Mỹ mượn danh nghĩa quân Đồng minh vào nước ta tước vũ khí của Nhật; phía Nam, 5 vạn quân Anh, núp sau là Thực dân Pháp âm mưu quay lại xâm lược Việt Nam; trong nước các thế lực thù địch tìm cách chống phá cách mạng quyết liệt.

- Ngày 2/9/1945 tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội) Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc “*Tuyên ngôn độc lập*” khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

#### 2. Đối tượng và mục đích:

- Các thế lực thù địch: Tuyên ngôn độc lập tuyên bố rộng rãi quyền và nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam, đập tan âm mưu xâm lược Việt Nam và chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

- Nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới: Tuyên ngôn vạch trần âm mưu của kẻ xâm lược Việt Nam và kêu gọi nhân dân thế giới ủng hộ dân tộc Việt Nam.

- Nhân dân Việt Nam: Tuyên ngôn kêu gọi đoàn kết, quyết tâm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc.

### II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH.

#### 1. Phần 1: Cơ sở lý luận (pháp lý) của bản Tuyên ngôn.

- Trích dẫn hai bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp. Hai bản Tuyên ngôn đều khẳng định: *quyền tự do, bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc là quyền bất khả xâm phạm của con người*. Từ quyền lợi con người Bác đã “suy rộng ra”, phát triển thành quyền lợi dân tộc. Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình.

- Đặt ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau là ngầm so sánh tầm vóc của Cách mạng tháng Tám, đồng thời thể hiện niềm tự hào, kiêu hãnh.

- Nghệ thuật: Sử dụng nghệ thuật đánh địch quen thuộc của văn học truyền thống: *lấy gậy ông, đập lưng ông*. Tạo cơ sở để triển khai hệ thống lập luận của Tuyên ngôn.

## **2. Phần 2: Cơ sở thực tiễn của Tuyên ngôn.**

### **a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.**

- Lợi dụng lá cờ Tự do - Bình đẳng - Bác ái để đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta.

- Về chính trị: Chia rẽ sự đoàn kết của dân tộc ta, tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong biển máu, thi hành các chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện... kết quả của công cuộc khai hoá văn minh là hơn 95% dân số nước ta mù chữ.

- Về kinh tế: Chúng vơ vét tài nguyên làm nước ta xơ xác tiêu điều, dân ta khổ đốn, không cho tư sản nước ta ngóc đầu lên... Kết quả của chính sách bảo hộ là cuối 1944 đầu 1945 từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói.

- Trong 5 năm trở lại đây (tính từ thời điểm vrietts Tuyên ngôn): chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật. Ngày Nhật đảo chính, khi rút chạy chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đồng tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng. Việt Minh nhiều lần kêu gọi liên minh chống Phát xít, chúng không hợp tác còn quay lại đàn áp các cuộc khởi nghĩa,... Và, sự thật là từ năm 1940 nước ta đã trở thành thuộc địa của Nhật chứ không còn là thuộc địa của Pháp nữa.

- Nghệ thuật: Biện pháp liệt kê súc tích, dẫn chứng lấy từ thực tế, tiêu biểu.

### **b. Quá trình đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.**

- Kiên trì, bền bỉ đấu tranh trong hơn 80 năm qua.

- Đấu tranh quyết liệt, nhưng khoan dung độ lượng: Cứu nhiều người Pháp ra khỏi tay Nhật; bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ, giúp nhiều người Pháp chạy qua biên thủy.

- Khi “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị*”, dân tộc Việt Nam đã giành được độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

## **3. Phần 3: Tuyên bố độc lập.**

- Trong lời tuyên bố độc lập, Người nhấn mạnh bốn điểm:

+ Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xoá bỏ hết những Hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Kêu gọi toàn dân Việt Nam đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp.

+ Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, kêu gọi cộng đồng Quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

+ Tuyên bố về ý chí kiên quyết bảo vệ quyền tự do, độc lập của toàn dân tộc Việt Nam.

**4. Giá trị:** Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử có giá trị và là một áng văn chính luận mẫu mực.



# NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

- Phạm Văn Đông -

## I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

### 1. Tác giả:

- Phạm Văn Đông (1906 - 2000), quê ở Mộ Đức, Quảng Ngãi.

- Quá trình sáng tác: Sự nghiệp chính mà Phạm Văn Đông theo đuổi suốt đời là sự nghiệp làm cách mạng. Tuy nhiên, trong cương vị của một người lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ông luôn luôn dành mỗi quan tâm đặc biệt đến mặt trận văn hóa, văn nghệ ở nước ta. Bên cạnh các ý kiến có ý nghĩa chỉ đạo đường lối phát triển của nền văn học nghệ thuật mới, ông còn là tác giả của nhiều bài nói, bài viết sâu sắc, mới mẻ, đầy hào hứng về tiếng Việt và về các danh nhân văn hóa Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh...

- Tác phẩm tiêu biểu: *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại; Văn hoá đổi mới; ...*

**2. Tác phẩm:** Tác phẩm được viết nhân kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (03 - 7 - 1888).

## II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

### 1. Hệ thống lập luận:

- Luận đề: *Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này.*

- Luận điểm 1: Con người và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

Câu chốt: *Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hi sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn.*

- Luận điểm 2: Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

Câu chốt: *Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời.*

- Luận điểm 3: Về truyện thơ *Truyện Lục Vân Tiên*.

Câu chốt: *... Lục Vân Tiên, một tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam.*

### 2. Nội dung cụ thể:

#### a. Con người và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

- Con người: Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà chỉ nhấn mạnh đến khí tiết của một chiến sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn của ông.

- Thơ văn: Tác giả chỉ nêu quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về văn chương và người nghệ sĩ: thiên chức của người cầm bút, viết văn là chiến đấu chống giặc ngoại xâm và tô tở của chúng; có thái độ yêu ghét rõ ràng. Quan niệm về thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu hoàn toàn thống nhất với quan niệm về lẽ làm người, “*Văn tức là người*”, văn thơ phải là vũ khí chiến đấu của con người chiến sĩ.

=> Tuy còn hạn chế trong quan niệm về chức năng của văn chương (văn chương dùng để chở đạo, đấm gian - đây không chỉ là hạn chế riêng của Nguyễn Đình Chiểu) nhưng trong hoàn cảnh đất nước có nạn ngoại xâm thì quan niệm ấy hoàn toàn đúng đắn và có giá trị tích cực.

### ***b. Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.***

- Phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau.

- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi, khóc than những liệt sĩ là điều không phải ngẫu nhiên.

- Đặt các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trên cái nền lịch sử lúc bấy giờ. Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu *đã làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau* => Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là *ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*.

- Đây là thời kì *khổ nhục* nhưng *vĩ đại* của Nam Bộ, của đất nước. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu *đã làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ*. Đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, người đọc mới bắt gặp một hình tượng trung tâm mà văn chương cho đến lúc ấy chưa có: *hình tượng người chiến sĩ xuất thân từ nông dân*.

- Khi nói đến Nguyễn Đình Chiểu, tác giả luôn làm cho người đọc nhận ra rằng, những câu văn, vần thơ đó chính là bầu nhiệt huyết của nhà thơ thành ra chữ nghĩa: *Ngôi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu*.

### ***c. Về truyện thơ Truyện Lục Vân Tiên.***

- *Truyện Lục Vân Tiên* là tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu vì “... *đây là một bản trường ca, ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người trung nghĩa*”. Khi khẳng định giá trị của nó, tác giả không phủ nhận sự thực như *những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi* theo quan điểm của chúng ta thì có phần lỗi thời; hay *những chỗ lời văn không hay lắm*. Nhưng tác giả đã cho rằng đây là những hạn chế không thể tránh khỏi và không phải là cơ bản nhất.

Chính nội dung và lời văn của tác phẩm đều thân thiết, gần gũi với nhân dân khiến cho *Truyện Lục Vân Tiên* *rất được phổ biến trong dân gian miền Nam*.

- Mục đích chính của bài viết là khẳng định, ca ngợi ngôi bút chiến đấu chống xâm lược của Nguyễn Đình Chiểu nên tác giả viết không kĩ về *truyện Lục Vân Tiên*. Từ đây, có thể rút ra bài học về mục đích viết văn nghị luận quyết định cách sắp xếp luận điểm và mức độ nặng, nhẹ của từng luận điểm.

## TÂY TIẾN

- Quang Dũng -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Quang Dũng: Bùi Đình Diệm (1921- 1988). Quê: Đan Phượng, Hà Tây (cũ). Quang Dũng có hồn thơ đặc trưng đất Hà Thành: hào hoa, lãng mạn.

- Viết thơ, văn và vẽ tranh: *Rừng biển quê hương* (1957), *Mưa hoa gạo* (1950), *Đường lên Châu Thuận* (1964), *Gương mặt Hồ Tây* (bút kí, 1984) ...

#### 2. Tác phẩm

- Đoàn binh Tây Tiến: Thành lập 1947, thành phần đa phần là thanh niên Hà Nội, có nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt Lào và tiêu hao lực lượng quân Pháp ở Thượng Lào & Tây Bắc Bộ Việt Nam. Địa bàn hoạt động rộng hiểm trở, đời sống chiến đấu khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật hoành hành.

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1948, sau 1 năm làm đại đội trưởng ở đoàn binh Tây Tiến, Quang Dũng chuyển sang đơn vị mới. Trong nỗi nhớ đơn vị cũ anh đã viết bài thơ này tại Phù Lưu Chanh. Lúc đầu bài thơ có tên là “*Nhớ Tây Tiến*” sau đổi là “*Tây Tiến*”.

- Cảm xúc chủ đạo: Bài thơ là niềm tự hào và nỗi nhớ thương máu thịt của Quang Dũng đối với những người đồng đội của mình trong đoàn binh Tây Tiến đồng thời cũng là tình yêu với thiên nhiên và con người Tây Bắc.

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Tây Bắc:

**a. Đoạn 1:** *Nỗi nhớ thiên nhiên miền Tây– chặng đường hành quân của người Tây tiến.*

- Thiên nhiên Miền Tây hùng vĩ, dữ dội và khắc nghiệt: núi thẳm, dốc cao, vực sâu (*khúc khuỷu, thẳm thẳm, heo hút, còn mây, súng ngửi trời, ngàn thước lên - ngàn thước xuống*). Liên tục bị đe dọa tinh thần, tính mạng: *cọp trêu người, thác gầm thét*. Vất kiệt sức của người Tây tiến: *Gục bên súng mũ bỏ quên đời*.

- Thiên nhiên nên thơ: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* => Sự bù đắp những vất vả của người lính Tây tiến, thảo tâm hồn hào hoa của thanh niên Hà Thành.

- Kết thúc đoạn 1 là hình ảnh sum họp đầm ấm của con người Tây Bắc mà người lính Tây tiến bắt gặp trên đường hành quân => gợi nhớ nghĩa tình người miền Tây: *Cơm lên khói; mùa em thơm nếp xôi*.

#### b. Đoạn 2:

- Cảnh tượng đêm liên hoan văn nghệ của đoàn binh Tây tiến với đồng bào địa phương: *Doanh trại bừng sáng trong ánh lửa bập bùng, lung linh; người thiếu nữ hiện ra*

trong trang phục lộng lẫy duyên dáng e ấp: “Kìa em” là sự bất ngờ, vui sướng, say mê của những người lính trước hình ảnh đẹp của người thiếu nữ Tây Bắc; => Không gian huyền ảo, cảnh vật, con người rạo rực, hân hoan trong đêm hội.

- Cảnh sông nước Tây Bắc mênh mang mờ ảo, thơ mộng “*Người đi Châu Mộc... đong đưa*”: Dòng sông trong buổi chiều sương với những bờ lau hoang dại lay động như ẩn chứa bao linh hồn; “*dáng người trên độc mộc*” => hình ảnh thơ tinh tế gợi cảm.

## 2. Đoàn quân Tây tiến:

- Đối mặt với đói rét, bệnh tật (4 câu trên)

+ Đói rét bệnh tật làm cho dáng vẻ họ tiều tụy: *Không mọc tóc, Quân xanh màu lá giữ oai hùm* nhưng vẫn oai phong凛冽: “*Mắt trông gửi mộng qua biên giới*”.

+ Tâm hồn vẫn bay bổng, lãng mạn: “*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*”.

- Đối mặt với cái chết: (4 câu dưới).

+ Cái chết hiện hữu khắp nơi, truy đuổi bước chân người lính Tây tiến: “*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*”:

+ Sẵn sàng hy sinh cho nhiệm vụ: “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”.

+ Người lính Tây tiến đi vào cái chết凛冽, đầy bi tráng: *áo bào thay chiếu, sông Mã gầm lên*.

=> Phác họa bức chân dung người lính Tây tiến: *hào hoa,凛冽*.

**3. Bốn câu kết:** Được viết như những dòng ghi vào mộ chí, thể hiện quyết tâm của người lính Tây tiến “*Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi*”, vẫn hướng về phía trước, về nhiệm vụ được giao, đoạn thơ mang dáng dấp lời thề của người Vệ Quốc quân khi xưa.

## III. TỔNG KẾT.

- Qua nỗi nhớ của Quang Dũng, bài thơ đã tái hiện một bức tranh miền Tây Bắc hoang sơ, thơ mộng, huyền ảo và đặc biệt xây dựng thành công bức tượng đài đẹp đẽ và độc đáo về người lính Tây Tiến trong thời kì kháng chiến: anh dũng, kiên cường và hào hoa, lãng mạn.

- Bút pháp *lãng mạn* + *hiện thực* đã tạo cho bài thơ một sức hấp dẫn riêng, thể hiện tài năng và tâm hồn tinh tế của Quang Dũng – người nghệ sĩ, chiến sĩ Tây Tiến.

## TÁC GIA TỐ HỮU

### I. MỘT VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ.

- Tên thật: Nguyễn Kim Thành, sinh ngày: 04/10/1920. Cha là nhà nho thích ca dao, tục ngữ. Mẹ cũng là con của một nhà nho và thuộc nhiều ca dao, tục ngữ => Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc của hoàn cảnh gia đình, thơ cũng mang âm hưởng ca dao, dân ca.

- Quê hương ông ở xứ Huế: có thiên nhiên đẹp, thơ mộng, trữ tình, có nền văn học phong phú, độc đáo cho nên ảnh hưởng đến hồn thơ Tố Hữu.

- 13 tuổi mồ côi mẹ, một năm sau đi học xa nhà. 16, 17 tuổi đã là một trong những người lãnh đạo cao nhất của Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế, 18 tuổi được kết nạp Đảng, một năm sau bị bắt, sau đó vượt ngục vào Thanh Hoá bắt liên lạc và tiếp tục hoạt động. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong cơ quan của Đảng, Nhà nước cho đến 1986. Ông mất 2002.

### II. CON ĐƯỜNG THƠ TỐ HỮU.

#### 1. Nhận định chung:

- Tố Hữu đến với cách mạng và thơ ca đường như cùng một lúc.

- Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng cho nên các chặng đường thơ cũng song hành với các giai đoạn của cuộc đấu tranh ấy, đồng thời thể hiện sự phát triển, vận động trong tư tưởng, nghệ thuật của nhà thơ.

#### 2. Giá trị và vị trí của các tập thơ:

##### a. Tập “*Từ ấy*” (1937-1946) gồm 3 phần:

- Máu lửa: sáng tác trong thời kì Mặt trận Dân chủ, thể hiện sự cảm thông sâu sắc với cuộc sống của người nghèo khổ, đồng thời khơi dậy ý chí đấu tranh và niềm tin vào tương lai.

- Xiềng xích: Sáng tác trong các nhà lao ở Tây Bắc và Tây Nguyên, tâm tư của người trẻ tuổi tha thiết yêu đời và khao khát tự do, là ý chí kiên cường của người cộng sản quyết tâm chiến đấu.

- Giải phóng: sáng tác khi Tố Hữu vượt ngục đến những ngày đầu giải phóng, nồng nhiệt ca ngợi thắng lợi của cách mạng, khẳng định niềm tin vào chế độ mới.

b. Tập “*Việt Bắc*” (1947-1954): là khúc ca hùng tráng về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người trong kháng chiến. Một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, đầy hy sinh gian khổ nhưng cũng rất hùng tráng và đầy lạc quan với những con người bình thường giản dị nhưng trái tim tràn đầy tình yêu nước nồng nàn quyết chiến đấu cho lí tưởng của dân tộc.

c. “*Gió lộng*” (1955-1961): là tiếng hát lạc quan bay bổng say sưa về công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Là bài hát đấu tranh và tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam ruột thịt và ý chí đấu tranh thống nhất đất nước.

**d. “Ra trận”** (1962-1971), **“Máu và hoa”** (1972-1977): Sáng tác trong không khí hào hùng của cả nước chống Mĩ và những năm đầu sau chiến thắng 1975. Tập thơ là cảm hứng lãng mạn anh hùng, phản ánh cuộc đấu tranh anh hùng đỉnh cao trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc cùng với sự quan tâm cổ vũ của toàn cầu.

**e. Tập “Một tiếng đờn”** (1992), **“Ta với ta”** (1999): tác giả tìm đến những chiêm nghiệm mang tính phổ quát về cuộc đời và con người.

### **III. PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT THƠ TỔ HỮU.**

#### **1. Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị:**

- Tố Hữu cũng là một nhà thơ trữ tình kiểu mới tạo được sự thống nhất giữa cách mạng và cảm hứng trữ tình.

- Thơ chủ yếu quan tâm tới lẽ sống lớn, tình cảm lớn và niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc.

- Cái “tôi”: ngay từ buổi đầu đã là cái “tôi” chiến sĩ, là cái “tôi” công dân và càng về sau thì là cái “tôi” nhân danh dân tộc.

#### **2. Thơ Tố Hữu thiên về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn:**

- Hình tượng nhân vật trữ tình: là những con người đại diện cho phẩm chất của giai cấp dân tộc thậm chí mang tầm vóc của lịch sử và thời đại.

- Tập trung thể hiện những vấn đề cốt yếu, những sự kiện chính trị lớn của đất nước => cảm hứng lịch sử - dân tộc chứ không phải cảm hứng thế sự, càng không phải cảm hứng đời tư.

- Cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu: *cảm hứng lãng mạn*. Thơ Tố Hữu hướng vào tương lai => khơi dậy *niềm vui, lòng tin tưởng và niềm say mê với con đường cách mạng*, ngợi ca nghĩa tình cách, mạng con người cách mạng.

#### **3. Giọng tâm tình ngọt ngào:**

- Cách xưng hô với đối tượng trò chuyện.

- Sự hòa cảm với người, với cảnh.

#### **4. Thơ Tố Hữu giàu tính dân tộc:**

- Phản ánh đậm nét hình ảnh con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam trong thời đại cách mạng, đã đưa những tư tưởng và tình cảm cách mạng hoà nhập và tiếp nối với truyền thống tinh thần, tình cảm và đạo lí của dân tộc.

- Hình thức:

+ Thành công ở các thể thơ truyền thống của dân tộc.

+ Tố Hữu không chú ý sáng tạo từ mới, cách diễn đạt mới mà sử dụng những từ ngữ và cách nói quen thuộc của dân tộc.

+ Nhạc điệu: phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt: các từ láy, các thanh điệu, các vần thơ.

#### IV. KẾT LUẬN.

- Là thành công suất sắc của thơ cách mạng, chính trị.
- Có sự kết hợp giữa hai yếu tố: cách mạng và dân tộc.
- Sức hút: ở niềm say mê lý tưởng và tính dân tộc đậm đà từ nội dung đến hình thức.

### VIỆT BẮC

- Tố Hữu -

#### I. VẤN ĐỀ CHUNG.

##### 1. Hoàn cảnh sáng tác:

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ 07/5/1954, miền Bắc được giải phóng, các cơ quan Trung ương Đảng và Nhà nước chuyển từ Việt Bắc (Thủ đô của kháng chiến) về Thủ đô Hà Nội. Sự lưu luyến giữa kẻ ở và người đi đó khơi nguồn cảm xúc lớn cho nhà thơ sáng tác tác phẩm vào 10/1954 sau được in trong tập Việt Bắc.

**2. Cảm xúc chủ đạo của bài thơ:** *Bài thơ là nghĩa tình thủy chung son sắt của mười lăm năm thiết tha mặn nồng giữa người cán bộ cách mạng với cảnh và người vùng căn cứ cách mạng.*

#### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

##### 1. Cuộc chia tay đầy bịn rịn, lưu luyến:

- Khổ thơ mở đầu đầy tính từ gợi tình cảm nồng thắm dì dàng, gợi cảnh chia li của mối tình ruột thịt: *thiết tha, mặn nồng, bâng khuâng, bồn chồn,...*

- Sử dụng lối hát giao duyên của ca dao dân ca để biểu thị sự dửng dăng, bịn rịn của buổi chia tay. Cảnh chia tay được diễn tả thật thấm thía qua hai câu thơ:

*“Áo chàm đưa buổi phân ly*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”.*

Tình cảm trong buổi chia tay phải để ngôn ngữ bàn tay thay lời, dấu chấm lửng (...) để tình cảm đồng vọng ngân vang trong lòng người.

##### 2. Hoài niệm về Việt Bắc:

- Cảnh Việt Bắc: *Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương, bản khói cùng sương, rừng nửa bờ tre, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy;* đặc biệt bức tranh tứ bình Xuân, Hạ, Thu, Đông => Việt Bắc hiện lên với vẻ đẹp đa dạng trong nhiều thời gian và không gian khác nhau, với nhiều màu sắc và dáng vẻ chân thực sống động, thi vị, mang nhiều nét riêng biệt, độc đáo. Gắn liền với từng khung cảnh ấy là hình ảnh con người: người đan nón, người

*hái mắng...* Sự hòa quyện thắm thiết giữa cảnh và người khiến cảnh Việt Bắc càng âm áp, càng đậm thắm và trở thành ấn tượng không thể phai mờ trong tâm trí người đi.

- Cuộc sống, con người: Cuộc sống trên Việt Bắc có thanh bình, yên ả: *Đông khuya được sáng những giờ liên hoan, tiếng mõ rừng chiều, chày đêm nện cối đều đều suối xa...*; có cả nghèo khó, cơ cực: *Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai, người mẹ nắng cháy lưng, địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô...* Từ cuộc sống đó toát lên vẻ đẹp trong nghĩa tình con người: càng gian nan, thiếu thốn bao nhiêu, nghĩa tình càng sâu nặng bấy nhiêu; trong khó khăn thử thách con người cùng chung vai sát cánh, san sẻ mọi vui buồn: *Thương nhau chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng; Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo...*

### **3. Việt Bắc trong kháng chiến:**

+ Hiện lên trong không gian rộng lớn, với những hoạt động tấp nập, những hình ảnh hào hùng, những âm thanh sôi nổi, dồn dập, náo nức => khí thế mạnh mẽ của cả một dân tộc đứng lên chiến đấu vì Tổ quốc.

+ Không chỉ miêu tả khung cảnh kháng chiến, tác giả còn tái hiện những chiến thắng vang dội và lí giải cội nguồn sức mạnh của chiến thắng: *lòng căm thù, tình nghĩa thủy chung, tinh thần đoàn kết...*

+ Tác giả đặc biệt nhấn mạnh Việt Bắc chính là quê hương cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, là nơi hội tụ bao tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước.

=> *Nỗi nhớ da diết, sâu đậm, chân thành*

### **4. Nghệ thuật:**

- Phát huy thế mạnh thể thơ lục bát truyền thống.

- Cấu tứ bài thơ là cấu tứ ca dao với hai nhân vật “Ta” và “Mình”.

- Ngôn ngữ thơ gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân, rất giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động. Đó là một thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh cụ thể, giàu nhạc điệu, đặc biệt Tố Hữu sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp.

### **III. TỔNG KẾT.**

- Bài thơ là khúc hát tâm tình của những người kháng chiến, của nhân dân nằm trong truyền thống ân nghĩa, thủy chung của dân tộc.

- Bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.



## TIẾNG HÁT CON TÀU

- Chế Lan Viên -

### I. VAI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Chế Lan Viên (1920-1989) tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Chế Lan Viên là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam. Con đường thơ của ông trải qua nhiều chặng đường: Từ thế giới kinh dị, thần bí của *Điêu tàn*, sau cách mạng bắt rễ vào đời sống rộng lớn của nhân dân, thơ của Chế Lan Viên nóng hổi thời sự giàu chất sử thi, chất anh hùng, chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.

- Tác phẩm chính: Các tập thơ *Điêu tàn*, *Ánh sáng và phù sa*, *Hoa ngày thường*, *Chim báo bão*,...

**2. Tác phẩm:** Bài thơ *Tiếng hát con tàu* rút từ tập *Ánh sáng và phù sa* (1960).

**3. Cảm xúc chủ đạo:** Bài thơ là khát vọng về với nhân dân và đất nước, với những kỉ niệm sâu nặng tình nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ, cũng là về với ngọn nguồn của cảm hứng sáng tạo thơ ca.

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

**1. Nhan đề và bốn câu thơ đề từ:** Xuất hiện những hình ảnh mang tính biểu tượng cao và chuyển hoá lẫn nhau, hoá thân vào nhau, đó là:

- Hình ảnh con tàu mang ý nghĩa biểu tượng:

+ Hình tượng đất nước trong nhịp sống mới.

+ Khát vọng đi xa, vươn xa đến mọi miền xa xôi của tổ quốc.

+ Là con tàu tâm hồn nhà thơ trong hành trình trở về với nhân dân.

- Tây Bắc:

+ Là địa danh cụ thể của đất nước.

+ Là biểu tượng cho mọi miền xa xôi của tổ quốc.

+ Là nhân dân, là cội nguồn sáng tạo nghệ thuật.

- Tiếng hát con tàu:

+ Tiếng hát của đất nước trong nhịp sống mới.

+ Tiếng hát của tâm hồn nhà thơ trong hành trình trở về với nhân dân, về với cội nguồn sáng tạo nghệ thuật.

- Câu hỏi tu từ + nhịp thơ nhanh => hơi thơ gấp gáp, khẩn trương như chính nhịp đi của con tàu. Có gì đó hồi thúc, giục giã bên trong vì đất nước đang vẫy gọi, vì *Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*.

- Có hai sự đồng nhất: *Lòng ta hóa những con tàu* và *Tâm hồn ta là Tây Bắc* => khi lòng người đã có khát vọng lên đường thì mọi miền đất xa xôi của Tổ quốc đều là Tây Bắc - nơi đã ghi dấu những kỉ niệm của một thời.

- Trở về với Tây Bắc là trở về với chính lòng mình, trở về với những tình cảm trong sáng, nghĩa tình sâu nặng với nhân dân, đất nước => trở về với Tây Bắc là trở về với ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

## **2. Phần 1: Lời giục giã lên đường.**

- Ở đây có sự phân thân của nhân vật trữ tình để thuyết phục mọi người và cũng là thuyết phục chính mình hãy trở về với Tây Bắc; nhiều câu hỏi tu từ được sử dụng thể hiện sự hồi thúc, sự trăn trở lên đường: *anh đi chăng? anh có nghe?*

- Đất nước mênh mông đang hồi sinh sau cuộc kháng chiến ác liệt, khắp nơi cất cao tiếng hát xây dựng cuộc đời mới, đó là nguồn cảm hứng vô tận của thơ ca, cuộc sống mới đang mời thúc người nghệ sĩ vượt ra khỏi cuộc đời nhỏ hẹp quanh.

*Đất nước mênh mông đời anh nhỏ hẹp.*

.....

*Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép*

## **3. Phần 2: Hoài niệm về Tây Bắc.**

- Trở về với Tây Bắc là trở về với những kỉ niệm thiêng liêng nhất của lòng người, trở về với mảnh đất mà ông cha đã đổ biết bao xương máu để bây giờ kết trái, đơm hoa.

- *Tiếng hát con tàu* bộc lộ niềm khao khát mãnh liệt và hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi trở về với nhân dân. Tác giả sử dụng liên tiếp những hình ảnh so sánh, trở về với Tây Bắc là trở về với người thân như con về với mẹ: *Cho con về gặp lại mẹ yêu thương*.

- Cách xưng hô của chủ thể trữ tình bộc lộ một tình cảm thân tình ruột thịt với những con người đã từng gắn bó mật thiết với mình trong những năm kháng chiến: *Con gặp lại nhân dân... Con nhớ em con... Con nhớ anh con...*

- Từ những hoài niệm về nhân dân, về kháng chiến, bài thơ đưa ta đến những suy ngẫm mang tính khái quát, triết luận: *Khi ta ở chỉ là nơi đất ở; khi ta đi đất đã hóa tâm hồn..... Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương*.

=> Câu thơ cô đọng như một châm ngôn. Đó là quy luật của tình cảm, của trái tim và được cảm nhận bằng chính trái tim.

#### **4. Phần 3: Khúc hát lên đường.**

- Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân trở thành sự thúc giục bên trong, thành lời giục giã của chính lòng mình.

- Đoạn cuối nhịp thơ sôi động hẳn lên, đó là khúc hát lên đường của một tâm hồn thiết tha với miền Tây, những suy luận triết lí ở đoạn 2 nhường chỗ cho cảm xúc lãng mạn bay bổng.

#### **5. Nghệ thuật:**

- Đó là sự sáng tạo hình ảnh. Có những hình ảnh thị giác do quan sát được trong đời sống thực, có những hình ảnh được miêu tả cụ thể đến từng chi tiết, có những hình ảnh thực nhưng giàu sức gợi có những hình ảnh được xây dựng thành những hình ảnh biểu tượng.

- Tác giả sử dụng các phép tu từ ẩn dụ, so sánh linh hoạt, độc đáo.

## ĐẤT NƯỚC

(Trích *Mặt đường khát vọng*)

- Nguyễn Khoa Điềm -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Sinh 1943, tại Thừa Thiên - Huế, trong một gia đình có truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Thơ ông giàu chất suy tư, xúc cảm dồn nén, mang màu sắc chính luận.

#### 2. Tác phẩm:

- Vị trí đoạn trích *Đất nước* thuộc phần đầu chương V trích trong Trường ca *Mặt đường khát vọng* và viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về đất nước về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hòa nhập với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ.

- Cảm xúc chủ đạo: *Xuyên suốt đoạn trích là tư tưởng đất nước của nhân dân.*

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Phần 1: Cảm nhận về đất nước.

- Đất nước được cảm nhận từ những yếu tố quen thuộc, gần gũi, gắn bó trong cuộc sống đời thường của mỗi người: *những câu chuyện dân gian mẹ thường hay kể, miếng trầu của bà, truyền thống bền bỉ đánh giặc, những phong tục tập quán, tình nghĩa thủy chung giữa cha và mẹ, cái kèo cái cột trong nhà, hạt gạo ăn hàng ngày...*

=> Đất nước hiện lên thật gần gũi, thân thiết, bình dị.

- Phương diện không gian địa lí và thời gian lịch sử của Đất nước:

+ Không gian địa lí của đất nước là không gian gần gũi gắn liền với cuộc sống của mỗi con người, với tình yêu đôi lứa: *là nơi anh đến trường, là nơi em tắm, là nơi ta hò hẹn, ...; là không gian của rừng vàng biển bạc: nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc, con cá ngư ông móng nước biển khơi, ...; là nơi sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ: nơi dân mình đoàn tụ...*

+ Thời gian lịch sử của đất nước gắn liền với cội nguồn con Rồng cháu Tiên, với bề dày của truyền thống, chiều sâu của văn hóa và phong tục.

=> Phần 1 là lời nhắc nhở, nhắn nhủ, dặn dò về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với Đất nước: *gắn bó và san sẻ, hóa thân cho dáng hình xứ sở, bởi một lẽ giản dị Đất Nước là máu xương của mình.*

## 2. Phần 2: Tư tưởng đất nước của nhân dân.

- Thiên nhiên sông núi Đất nước chính là sự hóa thân của cuộc đời, số phận, tâm hồn nhân dân: mọi miền lãnh thổ của Đất nước đâu đâu cũng *mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha*. Vì thế: *sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy; những cuộc đời đã hóa núi sông ta*.

- Trong lịch sử 4000 năm của Đất nước, nhân dân, đặc biệt là những người dân vô danh có một vai trò vô cùng to lớn: Những con người vô danh sống và chết đều rất bình dị đó lại chính là những người *làm ra Đất nước*.

=> Nhân dân đã sáng tạo ra văn hoá, phong tục, tập quán, tiếng nói... để làm nên cốt cách tinh thần Việt Nam; đã cống hiến và hi sinh cho dân tộc; đã lao động sản xuất để xây dựng Đất nước.

=> sáng ngời tư tưởng Đất nước của nhân dân.

## III. TỔNG KẾT.

- Đoạn thơ thể hiện những cảm nhận sâu sắc, mới mẻ, độc đáo về Đất nước trong sự thống nhất các yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán, lịch sử ... của nhà thơ, từ đó có tác động mạnh mẽ tới nhận thức, tình cảm của con người, đặc biệt thế hệ trẻ vùng tạm chiếm miền Nam để họ dứt khoát đứng về phía nhân dân, Đất nước.

- Giọng thơ trữ tình - chính luận sâu lắng, tha thiết. Sử dụng nhuần nhị và sáng tạo các chất liệu văn hóa và văn học dân gian vào câu thơ hiện đại đã tạo sức hấp dẫn đặc biệt cho đoạn thơ.

## SÓNG

- Xuân Quỳnh -

### I. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Tên đầy đủ là: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 - 1988), quê ở làng La Khê, huyện Hoài Đức, Hà Tây (cũ).

- Xuân Quỳnh thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là hồn thơ phụ nữ nhiều trắc ẩn, hồn nhiên, tươi tắn, chân thành, đậm thắm, da diết trong khát vọng về tình yêu và hạnh phúc đời thường.

- Tác phẩm chính: *Tơ tằm - Chồi biếc* (1963), *Hoa dọc chiến hào* (1968), *Gió Lào cát trắng* (1974), *Hoa cỏ may* (1989), ...

**2. Tác phẩm:** Sáng tác năm 1967 và in trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968).

**3. Cảm xúc chủ đạo:** Bài thơ là niềm khát khao tình yêu, khát khao hạnh phúc của người phụ nữ khi yêu.

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Hình tượng “sóng” được tái hiện qua nhạc điệu bài thơ:

- Hình tượng “sóng” hiện lên qua nhịp điệu nhẹ nhàng, lúc sôi nổi dồn dập, lúc dịu êm sâu lắng như nhịp sóng ngoài biển khơi, cũng là nhịp của những con sóng tình cảm của một trái tim khao khát yêu đương.

- Thể thơ 5 chữ: với biện pháp điệp từ ngữ, điệp cấu trúc, những từ láy,... đã tạo nên nhạc điệu của những con sóng,

#### 2. Sóng - sự bí ẩn trong tình yêu - niềm khát khao một tình yêu lớn:

- Khổ thơ thứ nhất thể hiện hai trạng thái của sóng, tương như đối lập nhưng rất thống nhất (*dữ dội- dịu êm; ồn ào- lặng lẽ*). Đó là sự bí ẩn của tình yêu. Cũng như sóng, con người tìm đến "biển lớn tình yêu" để hiểu mình hơn (*Sóng không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể*).

- Khổ thơ thứ hai là phát hiện sự tương đồng giữa sóng và quy luật muôn thuở của tình yêu. Sóng "ngày xưa" và sóng "ngày sau" vẫn thế giống như tình yêu là khát vọng của tuổi trẻ muôn đời.

- Khổ thơ thứ ba và thứ tư tác giả dùng để cắt nghĩa về nguồn gốc của sóng và nơi bắt đầu của tình yêu. Cái hay của đoạn thơ là sự đầu hàng của nhận thức, là sự bất lực trong lôgic lí trí (*Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau*).

### **3. Sóng - nỗi nhớ trong tình yêu của người phụ nữ:**

- Con sóng thao thức ở mọi chiều không gian, thời gian cũng như nỗi nhớ trong tình yêu: chiếm cả bề rộng (*trên mặt nước*), choán cả tầng sâu (*dưới lòng sâu*), thao thức cả ngày đêm (*ngày đêm không ngủ được*), đi cả vào trong giấc mơ (*cả trong mơ còn thức*). Liên tưởng thơ đã đưa đến sự đồng nhất giữa "sóng" và "em". Thành thử 4 câu tả sóng thực chất là để tả lòng em và 2 câu nói về nỗi nhớ của em mà trong lòng chao đảo, cồn cào như có sóng.

### **4. Sóng - sự thủy chung trong tình yêu của người phụ nữ:**

- Nhà thơ sử dụng kết cấu: *dẫu... thì...* cùng với những đối lập (*xuôi- ngược, Bắc-Nam*) để khẳng định: "*Nơi nào em cũng nghĩ/ Hướng về anh một phương*".

Những chữ "xuôi", "ngược" gắn với không gian đối cực "Bắc", "Nam" mang ý nghĩa tương phản quyết liệt, dù cuộc đời có thay đổi, dù vũ trụ có biến thiên cũng không hề quan trọng. Điều quan trọng nhất là "phương anh", dù ở đâu, là "Nam" hay "Bắc", phải "xuôi" hay "ngược" em cũng hướng về.

- Ngoài việc khẳng định tình yêu chung thủy, Xuân Quỳnh còn muốn đề cập đến những thử thách trong tình yêu. Tình yêu cho ta sức mạnh vượt qua thử thách và qua thử thách tình yêu càng thêm bền vững.

### **5. Sóng - những trăn trở, lo âu trong cõi lòng người phụ nữ đang yêu:**

- Đó là nỗi lo âu về cái hữu hạn của đời người, của tình yêu. Trong trạng thái hạnh phúc của tâm hồn người phụ nữ đang yêu, cuộc đời tất cả còn ở phía trước vậy mà vẫn cứ hiện ra một thoáng âu lo về cái hữu hạn của đời người, cái mong manh của tình yêu: "*Cuộc đời tuy dài thế; Năm tháng vẫn đi qua; Như biển kia dẫu rộng; Mây vẫn bay về xa*".

### **6. Sóng - khát vọng bất tử hóa tình yêu:**

- Nhà thơ sử dụng những đại lượng lớn có tính ước lệ (*trăm, ngàn*) cùng với những hình ảnh thuộc về vô biên (*biển, sóng*) để thể hiện khát vọng của tâm hồn người phụ nữ đang yêu: *đó là khát vọng của muôn đời, muôn người, khát vọng mang giá trị nhân bản sâu sắc, cao đẹp – khát vọng bất tử hoá tình yêu*.

## **III. TỔNG KẾT.**

- Sóng là một hình tượng không mới nhưng trở nên rất đẹp, một vẻ đẹp rất riêng trong cảm nhận của hồn thơ Xuân Quỳnh. Bằng hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã nói được những điều giản dị mà lớn lao của tâm hồn người phụ nữ đang yêu.

- Khát vọng tình yêu được gửi vào sóng là khát vọng thành thực, khẩn thiết, nồng nàn và rất nhân văn.

## ĐÀN GHI TA CỦA LORCA

- Thanh Thảo -

### I. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Là nhà thơ trẻ thời chống Mĩ. Ông được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về thời hậu chiến.

- Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi.

#### 2. Tác phẩm: Rút trong tập *Khói vương Ru – bích* (1985)

3. **Cảm hứng chủ đạo:** ngọn nguồn cảm hứng bài thơ có được từ số phận bi thảm và nhân cách cao đẹp của Lor - ca. Qua đó, ca ngợi Lor - ca: Tài năng, nhân cách và bản lĩnh Lor-ca.

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Lor - ca, người nghệ sĩ tự do:

- Lor - ca được miêu tả trên cái nền văn hóa nghệ thuật Tây Ban Nha:

+ Áo choàng đỏ gắt – hình ảnh gợi liên tưởng đến khung cảnh của một đấu trường với cuộc đấu giữa võ sĩ với bò tót, một hoạt động văn hóa của Tây Ban Nha và nền chính trị hà khắc đương thời của Tây Ban Nha.

+ Những nốt nhạc ghi ta Li - la li - la la => Lor - ca, người nghệ sĩ tự do nhưng đơn độc, đi lang thang với vàng trắng chénh choáng trên yên ngựa mỗi mòn, hát nghêu ngao cùng tiếng đàn bọt nước. Đó là một con người tự do, một nhà cách tân nghệ thuật mong manh và đơn độc.

- Nghệ thuật xây dựng hình tượng thơ:

+ Đối lập với sự ngọt ngào của chính trị, sự già nua của nghệ thuật với khát vọng, sự đơn độc của Lor-ca trong nỗ lực cách tân nghệ thuật.

+ Âm thanh: Li - la li - la la => sự đồng cảm sâu sắc của Thanh Thảo với Lor - ca, người đã dùng tiếng đàn để giải bày nỗi buồn và khát vọng.

#### 2. Lor - ca với cái chết bi thảm:

- Áo choàng bê bết đỏ, bị điệu về bãi bắn, tiếng ghi ta: vỡ tan ròn ròn máu chảy.

=> Cái chết bất ngờ, bi thảm của con người trong sạch, vô tội.

- So sánh, chuyển đổi cảm giác qua hệ thống những âm thanh, hình ảnh: “*tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh, tiếng ghi ta tròn, tiếng ghi ta ròn ròn - máu chảy*”.



- Đối lập: Tiếng hát yêu đời với hiện thực bi thảm; tình yêu, cái đẹp của Lor - ca với hành động tàn ác dã man của bọn độc tài.

=> Nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân.

### **3. Lor - ca với tiếng đàn ghi ta:**

*“Không ai chôn cất tiếng đàn*

*Tiếng đàn như cỏ mọc hoang”*

- Ý nghĩa của lời di chúc: dũng cảm vượt qua cái cũ để làm cái mới, đó là đạo đức của người sáng tạo. Tiếng đàn ghi ta tượng trưng cho nghệ thuật của Lor - ca. Qua tiếng đàn để hiểu được tình yêu con người và khát vọng của Lor - ca. Lor - ca và tiếng đàn ghi ta có sức sống mạnh mẽ - như cỏ mọc hoang mà không một thế lực tàn ác nào hủy diệt.

- Nỗi xót thương cái chết của một thiên tài, là nỗi xót tiếc hành trình cách tân dang dở đọng lại thành hình ảnh đẹp, buồn: giọt nước - vàng trắng.

### **4. Những suy tư về cuộc giải thoát và cách giải tử của Lor - ca:**

- Dòng sông rộng mênh mang => thế giới vô cùng.

- Đường chỉ tay đã đứt => số phận, định mệnh, cái chết được báo trước.

- Ném lá bùa vào xoáy nước.

- Ném trái tim vào lặng yên cõi chết

để bơi sang ngang trên chiếc ghi ta màn bạc.

=> Sự giải thoát nhẹ nhàng, chấp nhận số phận hình ảnh thơ mang ý nghĩa tượng trưng và gợi nhiều suy tưởng.

- Tiếng đàn ghi ta tạo nên dư âm, bản nhạc của Lor - ca vẫn còn đang tiếp tục.

=> Tác giả Thanh Thảo kính trọng và tri âm với Lor - ca.

### **III. TỔNG KẾT.**

- Nội dung: Nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết bi thảm của Lor - ca, nhà thơ thiên tài Tây Ban Nha. Thái độ ngưỡng mộ người nghệ sĩ tự do với khát vọng chân chính.

- Nghệ thuật: Hình ảnh thơ và ngôn ngữ thơ mới mẻ, giàu ý nghĩa tượng trưng; kết hợp hài hòa giữa thơ và nhạc.

## NGUYỄN TUÂN VÀ TUỖ BÚT “NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ”

### I. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Nguyễn Tuân (1910 - 1987) xuất thân trong một gia đình nhà nho ở Hà Nội. Tác phẩm tiêu biểu nhất: “*Vang bóng một thời*” (1933), “*Sông Đà*” (1960), “*Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*”...

- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: Trước và sau Cách mạng Tháng Tám, màu sắc có thể khác nhau nhưng bản chất là giống nhau. Hạt nhân trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân là chữ “*Ngông*”; là sự tài hoa, uyên bác; là nội phong cách nghiêng về cái dữ dội, dữ dằn và thể loại phát huy các yếu tố trên là thể tùy bút và bút ký.

#### 2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: *Người lái đò sông Đà* viết năm 1960 - kết quả của chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Nguyễn Tuân và được in trong tập “*Sông Đà*”.

- Chủ đề: *Ca ngợi sông Đà, núi rừng Tây Bắc vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, đồng bào Tây Bắc cần cù, dũng cảm, rất tài tử, tài hoa.*

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Hình tượng con sông Đà:

**a. Sông Đà hung bạo:** Con sông Đà như một con thủy quái khổng lồ, mưu mô xảo quyệt.

Sự hung bạo, hùng vĩ của sông Đà được thể hiện qua các chi tiết và hình ảnh sau:

- Sông Đà có những đoạn hai bên bờ sông đá dựng thành vách, chẹn dòng sông lại như một cái yết hầu, vào mùa hè, ngồi trong khoang thuyền đi qua quãng ấy còn cảm thấy lạnh.

- Có những quãng dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió ào ào cả một vùng.

- Sông Đà có những cái hút nước như những cái giếng bê tông, sẵn sàng đánh tan những chiếc thuyền khinh suất đi qua: thuyền bị hút xuống lập tức giông ngược cây chuối rồi đi ngầm dưới lòng sông độ mười lăm phút sau thì tan xác dưới khuỷnh sông dưới.

- Thác sông Đà: Cả thủy có 73 cái thác lớn nhỏ (từ khi nhập quốc tịch Việt Nam), thác nước nghe từ xa như ai oán van xin, lại gần như hàng ngàn con trâu mộng lồng lộn giữa rừng nứa rừng vầu bốc lửa da cháy bùng bùng...

- Đá sông Đà: từ ngàn năm đó dàn bày thạch trận như trận đồ bát quái, để sẵn sàng đánh tan những chiếc thuyền đi qua. Thuyền vào trận địa thì tất thủy đá lớn, đá bé chồm dậy, vồ lấy chiếc thuyền, đánh những đòn hiểm...

### **b. Sông Đà trữ tình.**

- Từ trên cao nhìn xuống, sông Đà như cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân, xuống thấp, thấp sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình mà đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và mù khói núi Mèo đốt nương xuân.

- Nước sông Đà thay đổi theo mùa: Xuân xanh màu ngọc bích, thu lừ lừ chín đỏ.

- Những lần đi trong rừng nhiều ngày, lúc gặp sông Đà mặt sông loang loáng như trẻ con nghịch gương chiếu vào mắt. Lúc ấy, sông Đà gần gũi như một cố nhân.

- Sông Đà có những quãng sông nước lặng như tờ, hai bên bờ sông hoang dại như bờ tiền sử, hồn nhiên như nỗi niềm cổ tích tuổi xưa, những vật cỏ non mới nhú, thỉnh thoảng những đàn cá dầm xanh tung mình lên trên mặt nước như bạc rơi thoi,... bờ sông đẹp như một câu đồng dao, một câu Đường thi.

### **2. Hình tượng người lái đò sông Đà:**

- *Làm ăn giỏi*: hơn 10 năm cùng con thuyền xuôi ngược sông Đà. Thông thuộc thác ghềnh, thuộc địa hình dòng sông như thuộc bàn tay mình.

- *Cuộc sống của người lái đò*: là những cuộc chiến, cuộc chiến với thần sông, thần nước để giành lại mạng sống về tay mình: Ở trùng vi thứ nhất, thần sông mở ra nhiều cửa tử mà chỉ có một cửa sinh, người lái đò điều khiển con thuyền xung trận, thạch trận sông Đà chồm dậy vồ lấy chiếc thuyền, người lái đò nén đau, điều khiển chiếc thuyền vượt qua trùng vi thứ nhất rồi không ngại tay tiếp tục vượt qua trùng vi thứ hai, thứ ba. Ở đó, người lái đò như một chiến tướng, một chỉ huy dày dặn kinh nghiệm, bình tĩnh điều khiển chiếc thuyền vượt trùng vi sông Đà.

- *Rất tài tử*. Sau một ngày dài đọ trí thi tài với thần sông thần đá, ông ung dung đốt lửa trong hang đá, nước ồng com lam, nói về cá anh vũ, những hầm cá, hang cá mùa khô nổ những tiếng to như bọc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Lúc ngừng chèo, ông chẳng hề bận tâm về chuyện vượt thác, chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đá tương dữ, quân tợn vừa rồi.

- *Một chân dung tuyệt đẹp*: Tuổi đó 70 mà cánh tay còn “trẻ trung”, tóc bạc, cái đầu quắc thước, thân hình cao to, “gọn quánh như chất sừng, chất mun”. Tiếng nói âm vang át cả sóng nước. Ngực, vai có những vết chai như những củ nâu mà Nguyễn Tuân gọi đó là thứ “huân chương lao động siêu hạng”, với thái độ cảm phục ngợi ca.

- Đến cuối thiên tùy bút, Nguyễn Tuân chuyển góc nhìn thấy trên sông Đà sừng sững hiện ngang một người lái đò - người làm chủ thiên nhiên, người nghệ sĩ tài hoa trong cuộc sống mới, người anh hùng mới - anh hùng trong lao động.

**3. Phong cách Nguyễn Tuân qua tác phẩm**: Đó là một phong cách nghiêng về cái dữ dằn dữ dội, nghiêng về tính thẩm mỹ và thể hiện sự tài hoa uyên bác.

# AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

- Hoàng Phủ Ngọc Tường -

## I. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

### 1. Tác giả:

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước. Ông tham gia vào phong trào đấu tranh chống Mĩ - Nguy ở Huế.

- Quá trình sáng tác: Hoàng Phủ Ngọc Tường viết báo, làm văn từ những năm 60 của thế kỉ XX, là nhà văn có phong cách độc đáo, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với tư duy đa chiều của vốn kiến thức sâu rộng. Đặc biệt ông có sở trường về bút kí, tuỳ bút. Ông là nhà văn uyên bác, tài hoa. Kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường vừa giàu chất trí tuệ vừa giàu chất thơ. Nội dung thông tin về văn hoá, lịch sử rất phong phú. Đề tài trong tác phẩm của ông khá rộng. Đó là cảnh sắc con người khắp mọi miền đất nước.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Ngôi sao trên đỉnh Phu văn Lâu, Nhật kí của cỏ lau; Ai đã đặt tên cho dòng sông, Nhân dân, Miền gái đẹp...*

**2. Tác phẩm: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** ban đầu có tên là ***Hương ơi, e phải mà chẳng?*** là bài bút kí do nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường viết ở Huế vào ngày 4 tháng 1 năm 1981, và được in trong tập sách cùng tên vào năm 1984.

## II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

### 1. Vẻ đẹp của sông Hương qua cảnh sắc thiên nhiên:

+ ***Sông Hương ở đầu nguồn (thượng nguồn)***: Tác giả miêu tả sông Hương ở đầu nguồn với sức sống mãnh liệt, hoang dại nhưng cũng dịu dàng và say đắm. “*Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng*”. Dòng sông đã được thổi bằng ngọn gió tâm hồn dào dạt nhạy cảm, liên tưởng tự do để càng mạnh mẽ hơn, đắm say hơn ở địa phận thượng nguồn.

### + ***Sông Hương ở đồng bằng***:

- Sông Hương được thay đổi về tính cách: “Sông như chế ngự được bản năng của người con gái” để “mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”.

- Sông Hương lại có vẻ đẹp trầm mặc chảy dưới chân những rừng thông u tịch với những lăng mộ âm u mà kiêu hãnh của các vua chúa triều Nguyễn.

### + ***Đoạn tả sông Hương khi đi qua thành phố đã gây được nhiều ấn tượng***:

- Đây là hình ảnh chiếc cầu bắc qua dòng sông Hương: “Chiếc cầu trắng in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non”.

- Nhà văn như thổi linh hồn vào cảnh vật: “đường cong ấy làm cho dòng sông như mềm hẳn đi, như một tiếng vâng không nói của tình yêu”, “Tôi nhớ sông Hương, quý điều chảy lững lờ của nó khi ngang qua thành phố”. Dường như sông Hương không muốn xa

thành phố: “Rồi như sự nhớ lại một điều gì đó chưa kịp nói. Nó đột ngột đổi dòng rẽ ngay sang hướng Đông - Tây để gặp lại thành phố ở góc Bao Vinh... khúc quanh này thật bất ngờ... Đây là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu”.

+ **Sông Hương trở lại “để nói một lời thề trước khi về biển cả”**. Tác giả liên hệ “Lời thề ấy vang vọng khắp khu vực sông Hương thành giọng hò dân gian, ấy là tấm lòng người dân Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở”.

## **2. Vẻ đẹp sông Hương được khám phá dưới góc độ văn hóa:**

- Tác giả cho có một dòng thi ca về sông Hương. Đó là dòng thơ không lặp lại mình: “Dòng sông trắng - lá cây xanh” (*Chơi xuân* - Tản Đà); “Như kiếm dựng trời xanh” (*Trường giang như kiếm lập thanh thiên* - Cao Bá Quát); “*Con sông dùng dâng, con sông không chảy. Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu*”(Thơ của Thu Bồn)

- Tác giả gắn sông Hương với âm nhạc cổ điển Huế: “Sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya... Quả đúng vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được hình thành trên mặt nước của dòng sông này”.

- Với ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhớ tới Nguyễn Du; “Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều”.

## **3. Vẻ đẹp sông Hương gắn liền với những sự kiện lịch sử:**

- Tên của dòng sông Hương được ghi trong “*Dư địa chí*” của Nguyễn Trãi; “Nó được ghi là linh giang”: Dòng sông ấy là điểm tựa, bảo vệ biên cương thời kì Đại Việt Thế kỉ XVIII, nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân, gắn liền với tên tuổi của người anh hùng Nguyễn Huệ. Nó đọng lại đến bầm da, tím máu “nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX”.

- Nó đi vào thời đại của Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Nó chứng kiến cuộc nổi dậy tổng tiến công tết Mậu Thân 1968. Sông Hương đã gắn liền với lịch sử của Huế, của dân tộc.

- Bài bút ký kết thúc bằng cách lí giải tên của dòng sông : sông Hương, sông thơm. Cách lí giải bằng một huyền thoại.

## **4. Nét đẹp của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường:**

- Tác giả đã soi bằng tâm hồn mình và tình yêu quê hương xứ sở vào sông Hương khiến đối tượng trở nên lung linh, đa dạng như đời sống tâm hồn con người.

- Sự liên tưởng , tưởng tượng phong phú cộng với sự uyên bác về các phương diện địa lí, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật đã tạo nên áng văn đặc sắc này.

- Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, bộc lộ cảm xúc, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, nhân hóa; có sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.

# HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT

- Lư Quang Vũ -

## I. VAI NÉT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

### 1. Tác giả:

- Lư Quang Vũ (1948 - 1988) là cây bút tài hoa đã để lại dấu ấn trong nhiều thể loại: thơ, văn xuôi và đặc biệt là kịch. Ở thể loại nào người đọc cũng bắt gặp một Lư Quang Vũ với tâm hồn nổi gió, với sức sống mãnh liệt và khả năng sáng tạo miệt mài.

- Quá trình sáng tác: Lư Quang Vũ có một di sản kịch đồ sộ về số lượng, đa dạng về đề tài. Gần 10 năm cầm bút ông đã sáng tác được hơn 50 vở kịch, trong đó có những vở xứng đáng là đại diện cho nền kịch nói Việt nam xuất hiện trên sân khấu Quốc tế ...

- Tác phẩm tiêu biểu: *Sống mãi tuổi 17 (kịch 1979)*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt (kịch 1981)*, *Người trong cũi nhớ (kịch 1982)*, ...

### 2. Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Sự chuyển biến mạnh mẽ của xã hội, của văn học Việt Nam vào những năm 80 của Thế kỉ XX. Công cuộc đổi mới của Đảng đã phát động nhằm giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong đó có người cầm bút. Số phận con người, vấn đề cá nhân cần được khám phá. Nhiều vấn đề nóng bỏng của đời sống như chống tiêu cực đã trở thành cảm hứng của nhiều người.

- Vị trí của đoạn trích: *Đây là một phần của cảnh 7 - cảnh cuối cùng của vở kịch. Mâu thuẫn giữa hồn và xác lên đến căng thẳng. Hồn có nguy cơ bị lấn át để từ đó dẫn tới quyết định cuối cùng.*

## II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

**1. Tóm tắt đoạn trích:** Sau mấy tháng sống nhờ trong xác anh hàng thịt, hồn Trương Ba luôn trăn trở, dằn vặt, chán ngán cái thân xác mình đang trú ngụ. Hồn Trương Ba tách ra khỏi thân xác anh hàng thịt đối thoại với xác và ngày càng bế tắc. Trở về cuộc sống gia đình, hồn Trương Ba bị mọi người xa lánh. Hồn Trương Ba đau khổ, cuối cùng quyết định chết hẳn, không nhập vào xác người nào khác.

**2. Tình huống kịch:** Hồn người này xác người khác, hồn ông Trương Ba thanh cao trong xác anh hàng thịt thô lỗ. Chính tình huống oái oăm này đã tạo ra xung đột kịch. Cuộc đối thoại giữa “hồn” và “xác” chính là xung đột diễn ra bên trong bản thân nhân vật, hai phần trong một con người tranh luận với nhau rất căng thẳng. Giữa “xác” và “hồn” Trương Ba có sự va chạm của nhiều yếu tố: tốt và xấu, thanh cao và phàm tục, bản năng và lí trí, đạo đức và tội lỗi...

### 3. Hình tượng nhân vật Trương Ba :

- Trương Ba rơi vào bi kịch đánh mất mình: sống nhờ, sống gửi, đau đớn vì phải *sống bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo*. Do sự sai khiến của thân xác, hồn Trương Ba có

những hành động khác thường, ngày càng xấu đi trong sở thích, hành vi...Hồn Trương Ba ngày càng xa lạ với mọi người, với chính mình. Tự chán mình và do những đau khổ dày vò, hồn Trương Ba đã tách ra khỏi xác anh hàng thịt, để soi ngắm chính mình. Sự phân tách và đối đầu giữa “hồn” và “xác” là sự tranh cãi quyết liệt giữa một bên là phần *hồn cao khiết, trong sạch, đạo đức và chân chính* với một bên là phần *xác kèn càng thô lỗ, trần tục, bản năng, âm u, đui mù, tội lỗi*.

=> Đưa ra sự đối lập này nhà văn muốn nhấn mạnh: con người không chỉ sống bằng thân xác mà cũng không chỉ sống bằng tinh thần. Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt là hai thực thể đối lập, nhưng không thể tồn tại riêng rẽ, có cái này mà không có cái kia. Độ chênh lệch giữa hồn và xác sẽ là bi kịch.

- Trong thân xác anh hàng thịt, hồn Trương Ba vô cùng đau đớn, dần vật trước thái độ nghi ngờ, xa lánh của những người thân trong gia đình. Không thể chịu đựng nổi, hồn Trương Ba rơi vào bi kịch, từ đó dẫn đến khát vọng giải thoát tình cảnh oái oăm. Hồn Trương Ba cương quyết không chịu nhượng bộ xác và cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích - tiên cờ đã diễn ra. Những lời thoại với tiên Đế Thích là kết quả của quá trình tự ý thức của Trương Ba: *không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn và Sống nhờ vào đồ đạc, của cải của người khác đã là không nên, đằng này đến cả cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ là tôi sống nhưng sống như thế nào thì ông không cần biết*.

=> Lời thoại của Trương Ba đã thể hiện rõ quan niệm về hạnh phúc và về lẽ sống của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ: con người phải được sống như chính mình, sống hoà hợp giữa hồn và xác - tâm hồn trong sạch trong một thân thể khoẻ mạnh.

#### **4. Ý nghĩa của tác phẩm:**

- Ý nghĩa xã hội: Nhà văn phê phán hai quan niệm sống lệch: hoặc quá chú trọng những ham muốn của thân xác hoặc chỉ chú trọng đời sống tinh thần; phê phán lối sống giả tạo làm cho con người có nguy cơ đánh mất mình.

- Ý nghĩa nhân văn: Nhà văn kêu gọi, đấu tranh cho sự hoàn thiện về đẹp nhân cách của con người, khẳng định cá thể: con người phải sống như chính mình.

**5. Giá trị nghệ thuật:** Nghệ thuật dựng tình huống, độc đáo, xây dựng, dẫn dắt xung đột kịch hợp lí, nghệ thuật dựng hành động kịch, dựng đối thoại sinh động.

## VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích) - Tô Hoài -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Tên thật là Nguyễn Sen, sinh năm 1920 quê Hoài Đức, Hà Đông, Hà Nội.

- Quá trình sáng tác: Trước cách mạng tháng 8, ông đã là cây bút văn xuôi nổi tiếng với mảng sáng tác đồng thoại cho thiếu nhi và cuộc sống phong tục làng quê. Sau cách mạng tháng 8, tham gia sôi nổi các hoạt động văn hoá, văn nghệ, đặc biệt thành công ở đề tài cuộc sống phong tục miền núi phía Bắc. Tác phẩm bộc lộ sự am hiểu phong phú về đời sống, phong tục dân tộc, tài quan sát tinh tế cụ thể, lối văn giàu chất tạo hình, giàu chất thơ; lối kể chuyện sinh động, hóm hỉnh.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Đế mèn phiêu lưu ký, O chuột, Cát bụi chân ai, Ba người khác...*

2. Tác phẩm: Được viết năm 1952, là kết quả của 8 tháng nhà văn đi thực tế ở Tây Bắc và in trong tập “*Truyện Tây Bắc*” (1953).

### II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

#### 1. Tóm tắt tác phẩm:

Truyện kể về cuộc đời của Mị và A Phủ - những người dân lao động nghèo trong xã hội phong kiến miền núi xưa.

Mị đẹp người, đẹp nét, làm nương giỏi, thối sáo hay nhưng sinh ra trong một gia đình nghèo truyền kiếp. Khi Mị lớn khôn, nghe tin mình trở thành con dâu nhà thống lí Pá Tra, Mị van xin cha cho mình ở nhà làm nương trả nợ. Nhà thống lí vẫn bắt Mị về làm dâu. Ở nhà thống lí, có đến hàng mấy tháng đêm nào Mị cũng khóc, rồi Mị quyết định về từ biệt cha để tự tử. Nhưng, thương cha, Mị quay trở lại nhà thống lí, chấp nhận cuộc sống trâu ngựa nơi đây. Nhiều năm trôi qua, Mị lười lười như con rùa nuôi trong xó cửa. Nhưng mùa xuân năm ấy, Mị lén lấy hũ rượu ra uống, Mị thấy phơi phới trẻ lại, Mị nhớ lại ngày xưa và chỉ thấy nước mắt ứa ra, Mị muốn đi chơi. Lúc đó, A Sử về, hắt trời Mị vào cột nhà. Nhưng Mị vẫn nghĩ về ngày xưa cho đến khi vùng bước đi Mị mới biết mình đang bị trói, Mị xót xa nghĩ: Mình không bằng con trâu con ngựa nhà trông lí Pá Tra. Khi được cởi trói, Mị đổ sụp xuống sợ hãi. Từ đó, Mị càng lười hơn.

Còn A Phủ, vì đánh A Sử khi hấn phá đám chơi của dân làng nên bị phạt và phải làm đũa ở trừ nợ nhà thống lí. Một lần, để hổ vồ mất bò, A Phủ bị trói vào cột bỏ đói, bỏ khát. Trong khi đó, đêm nào Mị cũng dậy cời lửa hơ tay nhưng vô cảm. Một lần nghe tiếng thở nặng nề của A Phủ, Mị nhìn sang thấy A Phủ khóc, Mị đã động lòng. Mị suy nghĩ rồi Mị đã cắt dây cởi trói cho A Phủ, hai người cùng nhau chạy khỏi Hồng Ngài, chạy đến Phiêng Sa và thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng, tham gia vào đội du kích.



## **2. Nội dung cụ thể:**

### **a. Nhân vật Mị.**

- *Trước khi trở thành con dâu gạt nợ trong gia đình thống lí Pá Tra:* Mị có đủ phẩm chất để được hạnh phúc: Người con gái H'mông (Mèo) đẹp người, đẹp nết, làm nương giỏi, thổi sáo hay, có hiểu, luôn khao khát cuộc sống hạnh phúc trong tự do, nhưng lại xuất thân trong một gia đình nghèo truyền kiếp.

- *Khi bị bắt làm dâu để gạt nợ:* Mấy tháng dòng đêm nào Mị cũng khóc, rồi Mị về từ biệt cha để tự tử, nhưng dòng nước mắt của người cha thương con mà bất lực đã ngăn cản Mị. Mị hiểu các éo le của hoàn cảnh và ném nắm lá ngón xuống đất quay lại nhà thống lí Pá Tra chấp nhận cuộc sống trâu ngựa nơi đây. Khát vọng sống trỗi dậy và càng đẩy Mị lún sâu vào bi kịch của cuộc sống.

- *Ở nhà thống lí Pá Tra:* Mị sống như thân trâu, thân ngựa, chỉ biết công việc. Mị làm lũi như con rùa nơi xó cửa, không nghĩ ngợi, không buồn vui, không biết đến ngày tháng, không nghĩ đến cái chết ngay cả khi bố đã mất. Hình ảnh ô cửa sổ buồng Mị gợi một kiểu nhà tù đặc biệt và khái quát toàn bộ bi kịch của Mị. Ở đây, Mị bị bóc lột đến cạn kiệt sức lao động, bị cướp mất tuổi xuân, bị thui chột cả tâm hồn.

- *Khi mùa xuân đến:* Mùa xuân làm thay đổi cảnh sắc và đất trời, tác động vào lòng Mị. Những tiếng sáo gọi bạn tình ngoài bìa rừng dội vào tâm tưởng, đánh thức tiếng sáo trong tâm tưởng, quá khứ trỗi dậy, Mị nhận thức về bản thân, Mị thấy mình còn trẻ lắm, Mị muốn đi chơi và Mị chuẩn bị để đi chơi. A Sử đã trói Mị vào cột nhà, song tâm hồn Mị vẫn nương theo tiếng sáo, đến khi vùng bước đi Mị mới biết mình bị trói và âm thầm trong dây trói với ý nghĩ xót xa: Mình không bằng con trâu con ngựa nơi đây. Từ đó, Mị bị đẩy xuống tình trạng u mê như của Chí Phèo.

- *Cắt dây cửi trói cho A Phủ:* Ban đầu, nhìn A Phủ bị trói Mị không mấy may cảm động, khi nhìn thấy giọt nước mắt của A Phủ, Mị động lòng, suy nghĩ, ý thức về kẻ thù và thân phận. Mị quyết định cắt dây cửi trói cho A Phủ và cùng A Phủ chạy khỏi Hồng Ngài.

### **b. Nhân vật A Phủ.**

- A Phủ đánh A Sử (vì hấn phá cuộc vui của dân làng). A Phủ bị phạt vạ, phải vay tiền thống lí và cuối cùng trở thành đứa ở trừ nợ trong gia đình thống lí Pá Tra.

- A Phủ mồ côi cha mẹ từ nhỏ; đẹp, khoẻ mạnh, cần cù lao động; dũng cảm, cương trực; gan góc. Ý thức rõ về thân phận của mình, khắc sâu phận nô lệ tôi đòi: Ngồi im nghe xử kiện, bị phạt hơn 100 đồng bạc mà vẫn im lặng, tự động lấy dây, cột để trói mình (cam chịu).

## **4. Giá trị tác phẩm:**

- Giá trị hiện thực: Lên án chế độ phong kiến, thực dân.

- Giá trị nhân đạo: Cảm thông số phận người lao động nghèo ở miền núi trong xã hội cũ. Khẳng định phẩm chất tốt đẹp và những khát vọng mãnh liệt của con người.

- Giá trị nghệ thuật: Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, tả cảnh, kể chuyện, ngôn ngữ hình tượng, giàu chất thơ.

## VỢ NHẬT

- Kim Lân -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Tên thật: Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920, mất năm 2007, quê ở Bắc Ninh.

- Quá trình sáng tác: Đề tài chủ yếu là cuộc sống của người nghèo trong xã hội và những sinh hoạt văn hoá cổ truyền, thuần phong mỹ tục ở nông thôn. Truyện của Kim Lân có lối kể chuyện tâm tình và miêu tả nội tâm nhân vật khá tinh tế.

- Tác phẩm tiêu biểu: Các tập truyện ngắn *Nên vợ nên chồng*, *Con chó xấu xí* (1962).

**2. Tác phẩm:** Rút từ tập truyện “*Con chó xấu xí*” và có tiền thân là tiểu thuyết “*Xóm ngụ cư*” được ông sáng tác từ trước cách mạng.

### II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

#### 1. Tóm tắt tác phẩm:

Chuyện kể về anh Tràng - một người dân xóm ngụ cư, nhà nghèo, ế vợ bỗng nhiên lấy vợ vào lúc cái đói lan tràn.

Vào buổi chiều chạng vạng, Anh Tràng đưa về xóm ngụ cư một người đàn bà lạ. Cả xóm ngụ cư bàn tán đoán định. Tràng phớt lờ. Người đàn bà thẹn thùng.

Sau đó Tràng nhớ lại câu chuyện của anh và người đàn bà - người vợ anh nhặt được. Họ quen nhau rất tình cờ bởi dăm câu chòng ghẹo, đối đáp tầm phào (cô gái cũng là dân nghèo lang thang kiếm sống bằng nghề làm thuê). Sau một bữa quà 4 bát bánh đúc, cô đã nhận lời theo Tràng về nhà.

Vợ chồng Tràng về tới nhà lúc chạng vạng. Nghe Tràng giới thiệu, bà cụ Tứ - mẹ Tràng bất ngờ, xúc động rồi xót thương, tủi hổ. Nhưng rồi, bà an ủi, động viên, khuyến khích hai con tin tưởng vào tương lai mặc dù trong lòng đầy lo âu. Sáng hôm sau ngủ dậy, Tràng thấy căn nhà, bà mẹ, người vợ của mình thay đổi đột ngột và cảm thấy gắn bó với gia đình. Bữa cơm đầu tiên chỉ có một rúm rau chuối thái rối, muối với hai lưng cháo loãng rồi chuyển sang ăn chè khoán bằng cám. Họ lặng lẽ ăn. Câu chuyện kết thúc khi Tràng nghe vợ kể về chuyện phá kho thóc của Nhật ở mạn Thái Nguyên, Bắc Giang, Tràng nghĩ đến đoàn người đi phá kho thóc của Nhật mà bay trước họ là lá cờ đỏ sao vàng.

#### 2. Nội dung cơ bản:

##### a. Tình huống truyện và ý nghĩa nhan đề.

- Bối cảnh của tình huống: Nạn đói lan tràn, người chết như ngã rạ.

- Gọi tên tình huống: Anh Tràng - một người dân xóm ngụ cư, nhà nghèo, ế vợ bỗng nhiên “nhật” được vợ mà vợ theo hăn hỏi, khiến mọi người rất ngạc nhiên.

- Nỗi ngạc nhiên của mọi người: Bọn trẻ con ngạc nhiên rồi hét toáng lên; Người dân xóm ngụ cư thì bàn tán đoán định; bà cụ Tứ - mẹ Tràng ngạc nhiên đến không tin vào tai, vào mắt mình; ngay cả Tràng cũng không dám tin mình đã có vợ,...

- Tính chất và ý nghĩa: Câu chuyện đùa mà thành thật, thật rồi mà vẫn như đùa; một tình huống éo le không biết nên vui hay buồn, mừng hay lo; đáng cười hay đáng khóc.

- Ý nghĩa và giá trị: Tố cáo những kẻ gây ra nạn đói làm giá trị con người trở nên rẻ rúng; cảm thông với khát vọng của con người và bày tỏ niềm tin vào sức mạnh của sự sống tích cực.

**b. “Vợ nhặt” - phản ánh nạn đói khủng khiếp và số phận bi thảm của con người.**

- Đó là nạn đói khủng khiếp năm 1945 hậu quả của chính sách tàn bạo: Nhỏ lúa trồng cấy của phát xít Nhật, hơn hai triệu người Việt Nam đã chết đói.

- Hình ảnh của nạn đói: Từng đoàn người lữ lượt bồng bế đất díu nhau xanh xám như bóng ma; người chết như ngã rạ, những thây người chết nằm còng queo bên đường, mùi gậy của xác người, tiếng quạ rít từng hồi, bữa cơm nhà Tràng đãi cô dâu mới, ...

**c. “Vợ nhặt” đã đề cao tình người, đề cao khát vọng sống của con người.**

- Những người ở xóm ngụ cư: Họ nhìn theo Tràng và người đàn bà tò mò, thắc mắc và lo âu, thờ dãi. Đó là thái độ đồng cảm của những con người cùng cảnh ngộ. Niềm hạnh phúc của Tràng lan sang họ đem đến cho họ chút niềm vui “Có gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát tăm tối ấy của họ”.

- Nhân vật Tràng: Tràng lấy vợ không hề định trước: Vài câu buông đùa, một hành động hào phóng của ngày đói, một sự ngỡ ngàng ngỡ - khi cô gái nhận lời, chàng trai mới chợt nghĩ đến cảnh ngộ, nhưng niềm hạnh phúc át mất. Sáng hôm sau, thấy như một giấc mơ, cảm nhận mọi thứ đã đổi thay → cảm thấy gắn bó với tổ ấm của mình.

⇒ Từ đùa → thật → Tràng đã làm việc liều lĩnh → đói mặt thách thức với cái đói để có hạnh phúc thật cảm động và đáng quý.

- Người vợ nhặt (người đàn bà không tên): Thị đến với Tràng trước hết không phải vì tình yêu mà bởi cái đói và rồi được sống trong sự đùm bọc yêu thương của những người cùng cảnh ngộ. Tình người, niềm hạnh phúc đã khiến thị thay đổi trở thành người đàn bà hiền hậu, ý tứ, tỏ ra biết thu vén cuộc sống gia đình.

- Bà cụ Tứ: Đó là người mẹ già, tấm lưng còng xuống, khuôn mặt bủng beo khắc khổ dấu ấn cả một đời cơ cực. Thái độ khác thường của Tràng khiến trái tim người mẹ linh tính điều hệ trọng. Khi hiểu đầu đuôi câu chuyện thì im lặng, xót xa. Tâm trạng đan xen nhiều trạng thái cảm xúc: *bà xót xa cho con, cưới vợ trong hoàn cảnh trớ trêu; lo cho con: không biết có qua con đói khát này không; thương con dâu: có đói khát người ta mới lấy con mình... con mình có vợ; tủi cho mình: không lo được vợ đàn ông hoàng cho con; khuyên nhủ con cái, tâm tình: U mừng lòng, U thương quá; kết lại là niềm vui, niềm hy vọng vào tương lai.*

**3. Nghệ thuật:** Dựng truyện tự nhiên, đơn giản nhưng chặt chẽ; giọng văn mộc mạc, giản dị; ngôn ngữ gần với khẩu ngữ; miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật sắc sảo.

## NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

- Nguyễn Thi -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Nguyễn Thi (bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn) tên thật là Nguyễn Hoàng Ca, sinh năm 1928, mất năm 1968, quê ở Nam Định.

- Quá trình sáng tác: Sáng tác gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ, thực sự là nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong thời kì chống Mĩ cứu nước. Nhân vật tiêu biểu nhất của Nguyễn Thi là những người nông dân Nam Bộ có lòng căm thù giặc sâu sắc, vô cùng gan góc, kiên cường, thủy chung son sắt với quê hương và cách mạng.

- Tác phẩm: Được sưu tập trong tập *Truyện và ký*.

**2. Tác phẩm:** Viết tháng 2/1966 trong những ngày chiến đấu ác liệt chống Đế quốc Mĩ. *Những đứa con trong gia đình* là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi rút từ tập *Truyện và ký*.

### II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

**1. Tóm tắt tác phẩm:** Việt là một chiến sĩ giải phóng quân vừa qua tuổi vị thành niên, xuất thân trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng và có mối thù sâu sắc với Mĩ - Ngụy. Trong một trận đánh tại rừng cao su, Việt tiêu diệt được một chiếc xe bọc thép và 6 tên giặc nhưng Việt cũng bị thương, ngất đi và bị lạc đồng đội.

Tình dậy lần thứ nhất, toàn thân tê liệt, Việt dùng răng lên đạn rồi lại ngất đi. Tình dậy lần thứ hai, Việt nhớ về má, về gia đình. Tình dậy lần thứ ba, Việt nhớ về tuổi thơ, về những lần đi bắn chim, bắt ếch và cả những lần cùng chị Chiến theo du kích đi đánh tàu giặc trên sông. Tình dậy lần thứ tư, một đêm nữa lại đến, Việt nghĩ đến con ma cụt đầu, thằng chông (chết trôi) mà sợ hãi. Việt nhớ ngày tranh nhau với chị Chiến để đi bộ đội, cuối cùng chú Năm đã để cả hai chị em đi. Đêm trước ngày lên đường, chị Chiến chu tất cất đặt công việc, sắp xếp việc nhà, Việt vô tư cười, đùa nghịch và ngủ quên mất. Sáng hôm sau, hai chị em cúng ba má xong, khiêng bàn thờ sang gửi chú Năm, lần đầu tiên Việt thấy thương chị lạ và cảm thấy rõ mối thù thằng Mĩ đè nặng trên vai.

Dòng suy nghĩ của Việt bị tiếng súng xa xa cắt ngang. Việt lắng tai nghe và nhận ra tiếng súng quen thuộc của đồng đội. Việt chống khuỷu tay bò về phía có tiếng súng mà không biết, từng gương mặt đồng đội hiện trong tâm trí Việt, ngón tay cái cử động được của Việt vẫn để ở cò súng...

Sau ba ngày tìm kiếm, anh Tánh và đồng đội tìm được cậu Tư (cách gọi Việt thân mật) trong một lùm cây rậm và nếu anh Tánh không lên tiếng kịp thì đã ăn đạn của cậu Tư rồi. Về trạm quân y, mọi người giục Việt viết thư cho chị Chiến, Việt không viết vì thấy thành tích của mình chưa thấm vào đâu.

## 2. Hệ thống nhân vật.

**a. Nhân vật chú Năm:** Chú hay kể sự tích gia đình. Chú là tác giả cuốn sổ gia đình ghi chép tội ác của giặc và chiến công của các thành viên trong gia đình; chú là người lao động chất phác nhưng giàu tình cảm. Tâm hồn chú bay bổng, dạt dào cảm xúc khi cất lên tiếng hò. Chú Năm là nơi kết tinh đầy đủ hơn cả truyền thống của gia đình. Có thể nói, chú Năm là khúc thượng nguồn trong dòng sông truyền thống gia đình này.

**b. Nhân vật má Việt:** Rất mực thương chồng, thương con, đảm đang, tháo vát; rất gan góc, căm thù giặc sâu sắc; cuộc đời lam lũ, vất vả, chồng chất đau thương tang tóc, nén chặt nỗi đau của mình để nuôi con đánh giặc. Má Việt cũng là hiện thân của truyền thống. Nhà văn khéo chọn những chi tiết điển hình dồn nén bao ý nghĩa để khắc hoạ hình tượng người phụ nữ này. Trong quan niệm của Nguyễn Thị linh hồn người mẹ luôn bất tử sống mãi trong những đứa con.

**c. Nhân vật Chiến:** Là người chị biết lo toan, đảm đang, tháo vát, biết nhường nhịn em; gan góc, dũng cảm, căm thù giặc. Chiến có những nét giống mẹ: *đảm đang, tháo vát, gan góc, dũng cảm*. Nguyễn Thị có ý thức tô đậm nét kế thừa người mẹ ở nhân vật Chiến. Có nét khác mẹ: Chiến trẻ trung thích làm duyên làm dáng. Chiến được trực tiếp cầm súng đánh giặc trả thù nhà và thực hiện lời thề như dao chém đá của mình.

**d. Nhân vật Việt:** Việt là cậu con trai mới lớn có những nét riêng dễ mến: *lộc ngọc, vô tư, tính tình còn rất trẻ con, rất ngây thơ, hiếu động; yêu quê nhà, yêu người thân; căm thù giặc, gan góc, dũng cảm, kiên cường*.

### \* Nét chung và riêng của Việt và Chiến:

- Hai chị em có *nét chung* : *Căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, khát khao chiến đấu giết giặc và rất giàu tình nghĩa*.

- *Nét riêng*: Nếu chị *Chiến đảm đang, tận tụy, chín chắn, sâu sắc* thì *Việt rất ngây thơ, hiếu động, vô tư của chàng trai mới lớn*. Xây dựng 2 hình ảnh khác biệt giữa Chiến và Việt như vậy là nhà văn muốn *bổ sung, khắc hoạ hình ảnh thế hệ trẻ miền Nam* trong chiến đấu chống Mĩ. Họ bước vào cuộc chiến đấu rất sớm nhưng lại nghiêm túc trong suy nghĩ về kẻ thù.

\* **Đoạn văn cảm động nhất của thiên truyện** : chị em Việt khiêng bàn thờ má sang gửi bên chú Năm trước khi lên đường đánh giặc. Trong không khí thiêng liêng khi khiêng bàn thờ má, Việt thành con người khôn lớn. Đây là hành động cụ thể, vừa có yếu tố tâm linh, vừa nặng trĩu lòng căm thù, vừa chan chứa yêu thương, những đứa con đã đủ sức để bay cao, bay xa hơn cha mẹ.

## 3. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật kể chuyện: Trần thuật linh hoạt; dẫn dắt câu chuyện không phụ thuộc trật tự thời gian, không gian. Ngôn ngữ Nguyễn Thị đậm chất Nam Bộ.

- Nghệ thuật đồng hiện: là thủ pháp tạo ra kết cấu độc đáo. Cùng một lúc các sự kiện, các tình tiết, các nhân vật được thể hiện trong một thời gian, không gian.

## RỪNG XÀ NU

- Nguyễn Trung Thành -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Nguyễn Trung Thành (bút danh khác là Nguyên Ngọc) tên thật là Nguyễn Văn Báu, sinh năm 1932, quê ở Quảng Nam.

- Quá trình sáng tác: Sáng tác trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Được biết đến như nhà văn dành cho Tây Nguyên và chuyên viết về Tây Nguyên với những trang văn rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Đất nước đứng lên, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc, Đất Quảng.*

**2. Tác phẩm:** Viết vào mùa hè năm 1965, khi đế quốc Mĩ bắt đầu đổ quân ồ ạt vào Miền Nam và in trong tập "*Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*".

### II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN.

#### 1. Tóm tắt tác phẩm:

Rừng xà nu là khúc lịch sử bi tráng của dân làng Xô Man và câu chuyện bi thương của gia đình Tnú được gia làng kể lại trong đêm Tnú về thăm làng sau 3 năm đi lực lượng.

Câu chuyện bắt đầu khi làng Xô man nuôi giấu cán bộ (anh Quyết), bọn Mĩ - Diệm về khùng bố, chúng treo cổ anh Xút, chặt đầu bà Nhan để răn làng, nhưng lũ trẻ lại thay thanh niên và người già tiếp tục nuôi cán bộ, hăng hái nhất là Mai và Tnú. Ở trong rừng, Mai và Tnú được học chữ, được giác ngộ lí tưởng cách mạng. Một lần, Tnú chuyển thư cho anh Quyết, bị bắt, bị tra tấn, bị bắt đi tù. Ba năm sau, Tnú vượt ngục về, cưới Mai, họ sinh được một cậu con trai. Nghe theo lời anh Quyết, Tnú cùng làng Xô Man mài giáo chuẩn bị chống giặc. Nghe tin làng Xô Man mài giáo, bọn thằng Dục đã đem quân về làng. Tnú, cụ Mết dẫn thanh niên trốn vào trong rừng. Thằng Dục đã bắt Mai và đưa con ra tra tấn, chứng kiến cảnh đó, Tnú đã nhảy vào đám lính nhưng Tnú không cứu được vợ con, bản thân cũng bị bắt, bị tẩm nhựa xà nu đốt 10 đầu ngón tay. Trong lúc mê sảng, Tnú như nghe tiếng chân người khắp nhà, tiếng thét vang khắp nơi. Khi tỉnh dậy, Tnú thấy xác giặc nằm ngổn ngang, thằng Dục nằm chết dưới lưỡi mác của cụ Mết. Từ đó, làng Xô Man đã đứng lên cầm giáo chống giặc. Vết thương lành, Tnú tham gia lực lượng, trong một trận đánh, Tnú đã dùng đôi bàn tay bị cụt mười đốt, bóp chết thằng Dục - với Tnú thằng giặc nào cũng là thằng Dục - trong căn hầm.

Sáng hôm sau, cụ Mết, Dít tiễn Tnú về đơn vị, họ đứng trên ngọn đồi xà nu nhìn hút tầm mắt không thấy gì ngoài rừng xà nu chạy đến chân trời.

#### 2. NỘI DUNG CỤ THỂ.

**a. Cảm hứng bao trùm:** Đó là cảm hứng sử thi. Biểu hiện cụ thể:

- Rừng xà nu đậm đặc chất tây Nguyên: Từ vị trí của làng (bắc KonTum), đến tộc người (Strá), tên làng (Xô Man), tên người (Mét, Tnú, Dít) đều gọi không khí sử thi.

- Bắt đầu bằng không khí rất sử thi: người già làng kể chuyện, răn dạy thế hệ sau; tích tụ ở câu văn mở đầu "Làng nằm trong tầm đại bác của đồn giặc"; thể hiện qua hình tượng mang tính biểu tượng của cây xà nu; chất sử thi đậm đặc ở khúc lịch sử bi tráng của dân làng Xô man và câu chuyện bi thương của gia đình Tnú.

### ***b. Hình tượng cây xà nu - một hình tượng mang tính biểu trưng.***

- Hình tượng xuyên suốt tác phẩm: Mở đầu là rừng xà nu, xà nu xuất hiện rải khắp tác phẩm và kết thúc cũng là rừng xà nu chạy đến tận chân trời.

- Gắn bó mật thiết với đời sống người Xô Man: từ cuộc sống sinh hoạt (củi, đuốc, gậy, bảng học chữ, khói xà nu lem luốc mặt người,...) đến những sự kiện trọng đại: đốt cháy bàn tay Tnú, rực sáng trong đêm Xô Man trỗi dậy, soi rõ xác giặc,...

- Mang nhiều ý nghĩa: Ý nghĩa tả thực (*cây ham ánh nắng và khí trời, có sức sống mãnh liệt, một cây ngã xuống 4 - 5 cây con mọc lên nhọn như mũi tên, vết thương chóng lành như trên thân thể cường tráng,..*) và ý nghĩa biểu tượng (*phản ánh những đau thương của một thời mà dân tộc ta nói chung và Tây Nguyên nói riêng đã phải chịu đựng; biểu tượng cho sức sống mãnh liệt, không bao giờ và không thể nào huỷ diệt của Tây Nguyên và của Xô Man.*)

***c. Khúc lịch sử bi tráng của dân làng Xô Man:*** Đó là khúc lịch sử của chuỗi dài đau thương (*Anh Xút bị treo cổ, bà Nhan bị chặt đầu, Mai và đứa con ngã xuống; lưng cậu bé Tnú chằng chịt vết dao chém; bàn tay bị đốt cụt 10 đốt*). Đó là khúc lịch sử của sự sống không bao giờ bị dập tắt, của tư thế sống không biết đến cúi đầu (*Xô Man không khuất phục, tiếp tục nuôi giấu cán bộ,..*). Đó là khúc lịch sử hào hùng (*Xô Man nổi dậy cầm giáo bảo vệ sự sống*).

### ***d. Nhân vật Tnú:***

- *Hình tượng nhân vật Tnú:* Nhân vật Tnú - nhân vật mang tâm vóc anh hùng sử thi: Từ nhỏ, ở Tnú đã hình thành tính cách của một người anh hùng lí tưởng: được học chữ để làm cán bộ; được giác ngộ lí tưởng cách mạng; dũng cảm, sự mưu trí, không sợ hy sinh, giàu lòng yêu thương; lớn lên lực lưỡng như một cây xà nu trưởng thành; có người vợ duyên dáng, nhanh nhẹn, hoạt bát, giàu đức hy sinh, có một cậu con trai, một gia đình hạnh phúc.

- *Câu chuyện bi thương của gia đình Tnú:* Câu chuyện bắt đầu từ việc giặc kéo về làng khùng bố. Để bắt Tnú chúng đã tra tấn Mai và đứa con dã man bằng gậy sắt. Tnú chứng kiến cảnh đó, nhưng không cứu được vợ con, dẫu lòng căm thù đã biến mất anh thành hai cục lửa và Tnú cũng không bảo vệ được chính mình. Anh bị giặc bắt, bị đốt bàn tay bằng chính nhựa xà nu. Đó là lúc Xô Man và Tnú không nhận ra chân lí "*Chúng cầm súng, mình phải cầm giáo*".

=> Từ câu chuyện đau đớn của cuộc đời Tnú, Nguyễn Trung Thành đã khẳng định một chân lí của thời đại: *Phải dùng bạo lực cách mạng mới có thể đập tan bạo lực phản cách mạng để dành độc lập tự do cho đất nước.*

**e. Nhân vật cụ Mết.**

- Hình dáng: *Râu dài tới ngực, mắt sáng quắc, xếch ngược, ở trần, ngực căng như một cây xà nu; giọng nói ồ ồ vang trong lồng ngực, khoẻ khoắn; nói như ra lệnh; không khen giỏi, tốt mà chỉ khen được; cụ là linh hồn, là niềm tin của dân làng Xô Man.*

- Là người dẫn dắt phong trào cách mạng, nối Đảng với đồng bào Tây Nguyên.

=> Cụ là biểu tượng cho sức mạnh, tinh thần và sức sống mãnh liệt của Xô Man nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung.



# MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

- Nguyễn Khải -

## I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

### 1. Tác giả:

- Tên đầy đủ: Nguyễn Mạnh Khải (1930 - 2008), quê gốc ở Nam Định nhưng sinh tại Hà Nội.

- Tham gia hoạt động văn nghệ khoảng năm 20 - 21 tuổi, bắt đầu nổi tiếng với tiểu thuyết *Xung đột* (phần 1 – 1959, phần 2 - 1962). Trước 1978, ngòi bút Nguyễn Khải có khuynh hướng chính luận với lí trí tinh táo. Sau 1978, cảm hứng ngả dần sang triết luận với giọng văn đôn hậu, trầm lắng, nhiều chiêm nghiệm.

- Tác phẩm tiêu biểu: Tiểu thuyết *Xung đột*, tập truyện ngắn *Mùa Lạc* (1960), tiểu thuyết *Thời gian của người* (1985), *Hà Nội trong mắt tôi* (1995),...

**2. Tác phẩm:** Viết năm 1990 và được in trong tập *Hà Nội trong mắt tôi* (1995).

## II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

### 1. Tóm tắt tác phẩm:

Truyện kể về cô Hiền - một người Hà Nội, trong cái khốc liệt của chiến tranh và sự xô bồ, ồn ào của cuộc sống thời đổi mới vẫn lặng lẽ giữ gìn nét đẹp văn hoá truyền thống của người Hà Nội.

Cô Hiền là chị em đôi con di ruột với mẹ tác giả. Trong kháng chiến chống Pháp, gia đình cô vẫn ở lại Hà Nội vì không thể rời xa Hà Nội và cũng không thể lập nghiệp ở nơi khác. Năm 1955, gia đình cô vẫn ở một dinh cơ rộng Hà Nội, mặc sang trọng, ăn uống nền nếp. Những năm đầu giải phóng Hà Nội, mọi người bắt chước gọi nhau là đồng chí kể cả với người thân. Cô Hiền không đồng ý, theo cô, Chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá và toàn những chuyện lật vật. Cô Hiền khôn hơn các bà bạn và thức thời hơn chồng mình. Sau ngày Hà Nội giải phóng, cô đã khéo léo bán một căn nhà cho một người bạn đi kháng chiến về và ngăn chồng không cho mở xưởng in với lí lẽ hợp thời “chế độ này không thích cá nhân làm giàu... nên tao chỉ cần đủ ăn”. Cô Hiền có đầu óc rất thực tế, cô đã tính là làm và không chú ý tới sự đàm tiếu của thiên hạ. Gần 30 tuổi cô đi lấy chồng và lấy một ông giáo tiểu học hiền lành khiến cả Hà Nội kinh ngạc. Cô chủ động trong việc sinh con, chăm lo cho gia đình và dạy bảo các con: từ cách đi đứng, nói năng, đến lòng tự trọng, đạo lí ở đời,... Trong những năm bẽ bộn của cuộc chiến, cô Hiền vẫn thường cùng những người bạn - là công dân Hà Nội gặt gỡ, ôn lại truyền thống văn hoá Hà Nội,...

Nhiều năm sau ra Hà Nội, gặp lại cô Hiền, cô đã yếu, đã già nhưng vẫn là một người Hà Nội của hôm nay, một người thuần túy Hà Nội. Gia đình cô vẫn giữ một phòng tiếp khách cổ kính, nhìn vào mà thấy tết, thấy Hà Nội quá. Hà Nội thời ấy đã thay đổi, lớp người mới ăn nói buông tuồng, cư xử thiếu văn hoá. Cô Hiền không nhận xét gì mà say sưa kể chuyện cây si ở đền Ngọc Sơn bị bão quật đổ nhưng người ta dựng nó dậy và nó vẫn sống. Truyện kết thúc bằng những chiêm nghiệm đầy sâu sắc của tác giả khi cho rằng những người như cô

Hiền là những hạt bụi vàng của Hà Nội mà phải chết đi thì thật đáng tiếc và những hạt bụi vàng của Hà Nội còn lẫn khuất đâu đó hay bay lên cho chói sáng đất Kinh kì.

## **2. Nhân vật cô Hiền - một người Hà Nội:**

### **a. Cô Hiền - Người Hà Nội của cuộc sống thường nhật.**

- Trong những năm đầu Hà Nội được giải phóng, người ta bắt chước gọi nhau là đồng chí, cô Hiền vẫn giữ quan niệm cũ, cô không bằng lòng khi những người thân trong gia đình gọi nhau là đồng chí trong sinh hoạt hằng ngày. Cô cho rằng, Chính phủ can thiệp nhiều quá vào việc của dân.

- Cô được xem là người khôn và thức thời: sắp xếp bán một ngôi nhà ở phố Hàng Bún, ngăn chông mở xưởng in.

- Cô luôn tính đúng và giỏi thu xếp việc nhà: từ việc lấy chồng; việc sinh con; việc quản lý gia đình đến việc dạy con,...

### **b. Cô Hiền - Người Hà Nội trong hoàn cảnh chiến tranh.**

- Trong kháng chiến chống Pháp, cô Hiền vẫn ở lại Hà Nội vì không thể lập nghiệp ở nơi khác và đặc biệt không thể rời xa Hà Nội.

- Năm 1965, cô để cậu con trai đầu tòng quân với lý lẽ “không muốn nó sống bám vào sự hy sinh của bạn bè”.

- Ban năm sau, tiếp tục để con trai thứ 2 nhập ngũ với suy nghĩ “muốn sống bình đẳng với các bà mẹ khác”.

### **c. Cô Hiền - Người Hà Nội trong thời kỳ đất nước đổi mới..**

- Nơi tiếp khách của gia đình cô là phòng khách sang trọng, lịch lãm “mấy chục năm không hề thay đổi”... nơi lưu giữ đồ vật làm nên Hà Nội ngàn năm văn hiến.

- Không mất niềm tin trong sự xô bồ của cuộc sống Hà Nội. Cô kể về chuyện cây si đền Ngọc Sơn với niềm tin vô bờ vào sức sống của văn hoá Hà Nội trước dẫu bề của cuộc đời.

=> Cô Hiền là hạt bụi vàng của Hà Nội ... và những hạt bụi vàng của Hà Nội còn lẫn khuất đâu đó hãy mượn gió bay lên để làm chói sáng đất Kinh kì.

## **3. Quan niệm và ý nghĩa xã hội của tác phẩm.**

- Nguyễn Khải đau lòng trước tiếng chửi của người thanh niên trên đường phố, sự thờ ơ của mọi người. Qua đó, để bạn đọc tự đưa ra quan điểm của mình trong văn hoá ứng xử.

- Trân trọng nét đẹp văn hoá Hà Nội, khiến ai đã từng vô tình với văn hoá Hà Nội phải giật mình.

- Nhận ra những nguy cơ đang làm xói mòn, mai một nét văn hoá ngàn năm của Hà Nội.

=> Đặt vấn đề giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và việc phát huy vai trò của cá nhân trong quá trình đó. Đồng thời, bày tỏ niềm tin mãnh liệt của Nguyễn Khải vào ý thức của mọi người trong giữ gìn, nâng niu văn hoá Hà Nội nói riêng và bản sắc văn hoá dân tộc nói chung.

## CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

- Nguyễn Minh Châu -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Nguyễn Minh Châu (1930-1989) là nhà văn quân đội, quê ở Quỳnh Lưu - Nghệ An. Sáng tác của Nguyễn Minh Châu được khẳng định qua cuộc kháng chiến chống Mỹ và nhất là văn học sau 1975. Ông được xem là một trong những nhà văn đầu có công trong việc đổi mới văn học; là “người mở đường tài năng và tinh anh” ( Nguyễn Khải).

- Quá trình sáng tác của Nguyễn Minh Châu chia làm hai giai đoạn: trước 1975, ông được biết đến với những sáng tác theo khuynh hướng sử thi và thiên hướng trữ tình lãng mạn. Sau năm 1975, cảm hứng thế sự chia phối sáng tác của Nguyễn Minh Châu, với những trăn trở về con người muôn mặt của cuộc sống thường nhật. Tác phẩm của Nguyễn Minh Châu tập trung vào ba đề tài chính: đề tài chiến tranh; đề tài nông dân; đề tài đời tư - thế sự.

- Tác phẩm chính: *Cửa sông* (1966), *Dấu chân người lính* (1972)..... *Những vùng trời khác nhau* (1970), *Bến quê* (1985)... *Núi rừng yên tĩnh... Người viết trẻ và cánh rừng già.....*

**2. Tác phẩm:** Sáng tác 1987 - Thời kỳ đổi mới về xã hội và văn học, in trong tập truyện ngắn “*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*” (1983), in lại trong tập “*Chiếc thuyền ngoài xa*” (1987).

### II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

#### 1. Tóm tắt:

Truyện được kể từ ngôi thứ nhất. Trưởng phòng yêu cầu tôi - Phùng, một nghệ sĩ nhiếp ảnh đi “săn ảnh” để chuẩn bị làm tập lịch của năm sau theo chủ đề thuyền và biển. Trong thời gian sống ở một vùng biển vắng ở một tỉnh miền Trung, Phùng đã chụp được bức ảnh “*Chiếc thuyền ngoài xa*” đẹp toàn bích. Cũng trong thời gian đó, Phùng tình cờ được chứng kiến một sự thật nghiệt ngã trong một gia đình ngư dân (*người chồng đánh vợ theo thói quen, sự cam chịu của người vợ, phản ứng của những đứa con*). Tình cờ Phùng lại có mặt trong buổi gặp gỡ của Chánh án toà án huyện về việc đánh vợ của người chồng vũ phu. Trái với sự mong đợi của mọi người, người vợ không chấp nhận lời yêu cầu của toà án về việc li hôn. Qua đối thoại, Chánh án Đẩu và Phùng đã hiểu được tâm tư, hoàn cảnh của người phụ nữ bất hạnh và cam chịu nhưng giàu lòng yêu thương.

Kết quả của chuyến đi là Phùng đã có tấm ảnh nghệ thuật và treo ở nhiều nhà sành nghệ thuật sau này. Nhưng từ sau chuyến đi đó, mỗi lần ngắm bức ảnh chụp “chiếc thuyền ngoài xa” là người nghệ sĩ lại nhìn thấy hình ảnh người đàn bà vùng biển lam lũ và cam chịu bước ra và hoà vào đám đông.

## 2. Hệ thống nhân vật:

### a. Nhân vật người chồng - kẻ vũ phu:

- Ngoại hình: *To lớn, lưng cong như một con thuyền, chân đi hình chữ bát, bước chắc chắn, mái tóc tổ quạ, lông mày cháy nắng, đôi mắt độc dữ, ...*

- Tính cách và số phận: Vẫn dĩ là một thanh niên cục mịch, hiền lành. Nhưng từ khi có gia đình, cuộc sống mưu sinh trên biển vất vả khiến lão thay đổi. Lão thường xuyên đánh vợ. Người đàn ông ấy là nạn nhân của đói nghèo, lam lũ: đã trở thành kẻ độc ác, hành hạ đánh đập thô bạo vợ con mình, lão làm li đánh vợ như một thói quen, để giải tỏa tâm lí và nỗi khổ đời thường. Nhân vật người chồng đã trở thành điển hình cho bạo lực gia đình, cần phê phán.

### b. Nhân vật người đàn bà hàng chài - Vẻ đẹp bên trong một ngoại hình xấu xí, lam lũ.

- Tên gọi: *Không được đặt tên để nhấn mạnh khía cạnh bình thường của con người này.*

- Ngoại hình: *Mặt rỗ, tái ngắt, mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tấm lưng áo bạc phéch, nửa thân dưới ướt sũng, ....* Hé lộ một cuộc đời lam lũ, vất vả.

- Số phận: Ngay từ nhỏ đã gặp bất hạnh, trận đậu mùa khiến mặt rỗ và không có người con trai nào để ý; rồi có mang với người con trai hàng chài thường đến nhà mua bả đan lưới. Khi có gia đình thì cuộc sống nghèo khổ, thuyền chật, đông con, bị chồng thường xuyên đánh đập (*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*).

- Phẩm chất và tính cách: Đó là người phụ nữ cam chịu, nhẫn nhục (không phản ứng khi bị chồng đánh); Người có tình yêu thương vô bờ đối với các con (gửi thẳng Phác lê bờ để tránh đối đầu với bố, hạnh phúc khi thấy vợ chồng con cái xum vầy, được ăn no); con người giàu đức hi sinh và lòng vị tha (có suy nghĩ *minh sống là vì các con*, không hề oán hận chồng, ngược lại, còn nhận lỗi về mình); là người đàn bà thất học nhưng thấu hiểu lẽ đời (ý thức được bản phận người phụ nữ và nhìn cuộc sống, con người sâu sắc hơn Đầu, Phùng).

=> Đằng sau vẻ cam chịu của người đàn bà ấy là một vẻ đẹp đời thường, một bản năng sinh tồn mãnh liệt và tấm lòng hi sinh mê muội đáng thương. Trong sự cam chịu của người vợ ẩn chứa một nỗi đau dày vò vừa nhục nhã, vừa tủi phận, vừa căm phẫn, vừa yêu thương. Chị hiểu rằng người chồng đánh mình cũng vì nghèo khổ, lạc hậu, con cái nheo nhóc, không gian sống tù đọng... Trước toà, chị cố tình bênh vực cho chồng. Cái lí lẽ người đàn bà đưa ra khó chấp nhận ngay, nhưng từ logic bên trong của nó oái oăm sao lại hợp lí: chấp nhận đòn roi thô bạo là một nghịch lí, nhưng việc buộc chị li hôn lại là nghịch lí hơn.

=> Qua người vợ, ngòi bút nhân đạo của Nguyễn Minh Châu đã thể hiện những khao khát hạnh phúc bình dị của người dân lao động. Đó là niềm khát khao có được cuộc sống no đủ, bình yên.

### **c. Nhân vật Phùng - nhân vật người kể chuyện:**

- Phùng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh say mê công việc và có ý thức trách nhiệm với nghề của mình. Ở Phùng bộc lộ một niềm đam mê cái đẹp và sự đam mê ấy đã giúp anh có được tầm ảnh đích thực của một đời lao động nghệ thuật và phát hiện được nhiều điều.

- Trong phát hiện của Phùng về vùng biển có sự đối lập nhau và mang đầy nghịch lí: đó là hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa mang vẻ đẹp “đơn giản và toàn bích” và sự thật nghiệt ngã: *sự bạo hành trong một gia đình ngư dân trên chiếc thuyền đó.*

- Phùng là kiểu nhân vật tự ý thức, nhân vật tư tưởng, đồng thời cũng là một quan niệm của Nguyễn Minh Châu về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Bởi trong Phùng có một nghệ sĩ nhạy cảm và một chiến sĩ quyết liệt trong chiến đấu và cuộc sống.

## **III. TỔNG KẾT.**

### **1. Giá trị nhân đạo:**

- Thái độ quan tâm đến con người bất hạnh của nhà văn. Nguyễn Minh Châu đã đứng về phía công lí để bênh vực cho người phụ nữ.

- Thái độ đi tìm, phát hiện và khẳng định cái đẹp, cái thiện ở người phụ nữ ngư dân lam lũ, thô kệch.

### **2. Giá trị nghệ thuật:**

- Kể chuyện tự nhiên, sinh động.

- Xây dựng tình huống độc đáo, đặc biệt là tình huống nhận thức.

- Xây dựng nhân vật, dựng đối thoại sinh động.

# SỐ PHẬN CON NGƯỜI

Sô - lô - khốp

## I. TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

### 1. Tác giả:

- Sô-lô-khốp (1905 - 1984), sinh tại thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Rô-xtốp vùng thảo nguyên sông Đông nước Nga.

- Trong nội chiến (1918 - 1921), ông tham gia các hoạt động của chính quyền Xô-viết như trưng thu lương thực, xoá nạn mù chữ,...

- Năm 1922, rời vùng thảo nguyên sông Đông lên Mat-xcơ-va chấp nhận làm nhiều nghề để thực hiện giấc mơ viết văn. Ông có đăng được một số tác phẩm nhưng ít người biết đến. Năm 1925, ông quay lại vùng thảo nguyên sông Đông bắt tay vào viết bộ tiểu thuyết sử thi *Sông Đông êm đềm*. Khi tập một của tiểu thuyết ra mắt bạn đọc ông được xem là cánh chim đại bàng non.

- Trong thế chiến thứ 2, ông làm phóng viên mặt trận.

- Năm 1965, ông được nhận giải thưởng No-ben văn học. Năm 1967, được tặng danh hiệu anh hùng lao động lần thứ nhất, 1980 được tặng danh hiệu anh hùng lao động lần hai.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Tập truyện Sông Đông, Tiểu thuyết Sông Đông êm đềm, Đất vỡ hoang, Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc,...*

**2. Tác phẩm:** Truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp được in lần đầu ở Liên Xô trên hai số báo Sự thật ra ngày 31-12-1956 và ngày 01-01-1957.

## II. NỘI DUNG CƠ BẢN.

### 1. Tóm tắt tác phẩm:

Nhân vật chính của tác phẩm là An-đrây Sôcôlốp. Sôcôlốp có một cuộc đời đầy đau khổ. Trong cuộc nội chiến anh mất cả gia đình lớn, sau đó anh lập gia đình với một người vợ xinh đẹp và ba đứa con ngoan. Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Sôcôlốp nhập ngũ, rồi lần bị thương, sau đó anh bị bắt và từng bị đọa đầy trong trại tập trung của bọn Phát xít hai năm. Khi mưu trí thoát khỏi trại tập trung trở về với đồng đội, Sôcôlốp nhận được tin vợ và hai con gái đã chết vì bom của Phát xít từ năm 1942. Người con trai duy nhất đã nhập ngũ và đang là đại úy pháo binh. Hai cha con ở hai đơn vị và cùng tiến về Berlin. Nhưng đúng ngày chiến thắng, đứa con trai của Sôcôlốp hy sinh trên nước Đức, niềm hy vọng cuối cùng của Sôcôlốp tan vỡ.

Kết thúc chiến tranh, Sôcôlốp giải ngũ với cơ thể và trái tim đau đớn bởi nhiều vết thương. Sôcôlốp đã xin làm lái xe cho một đội vận tải và ngẫu nhiên gặp chú bé Va-li-a, bố mẹ chú bé đều đã chết trong chiến tranh, chú bé sống bơ vơ, không nơi nương tựa. Xúc động trước hoàn cảnh của chú bé, Sôcôlốp đã nhận Va-li-a làm con, trong khi chú bé tin rằng Sôcôlốp là cha mình. Sôcôlốp yêu thương, chăm sóc chú bé và xem đó là nguồn vui lớn. Tuy

vậy, Sôcôlôp vẫn luôn bị ám ảnh bởi những mất mát của gia đình “nhiều đêm thức giấc thì gôi đâm nước mắt”. Chính nỗi đau gia đình nên Sôcôlôp thường xuyên thay đổi chỗ ở. Dù vậy, Sôcôlôp luôn cố giấu không cho bé Va-li-a thấy nỗi đau của mình.

Câu chuyện kết thúc bằng suy nghĩ của tác giả về số phận hai con người trên - hai hạt cát bị sức mạnh phũ phàng của chiến tranh thổi bạt đi và tin tưởng họ sẽ đứng vững vì trong họ có ý chí, có tính cách Nga kiên cường.

## **2. Hoàn cảnh và tâm trạng An-đrây Xô-cô-lốp sau khi chiến tranh kết thúc:**

- Cuộc đời riêng là một tấn thảm kịch: thuở nhỏ đã phải tự mình bươn trải để kiếm sống, khi tham gia chiến đấu đã hai lần bị thương rồi lại bị bọn Đức bắt hai năm. Khi chiến tranh gần kết thúc nhận được tin: năm 1942 vợ và hai con gái bị bom của bọn phát xít giết hại, ngôi nhà thành một cái hố sâu. Đứng vào ngày chiến thắng đưa con trai duy nhất còn lại của anh đã ngã xuống trên đất Đức.

- Trở về với cuộc sống đời thường không một chế độ đãi ngộ, sống bằng nghề lái xe chở lúa cho nông trang, anh đã phải mượn rượu để giải sầu.

- Không dám trở về quê hương của mình vì sợ phải đương đầu với những kỉ niệm trong quá khứ, nhưng anh vẫn sống kiên cường, bất khuất. Đây chính là một phần của tính cách Nga. Họ sẵn sàng vượt qua tất cả mọi nỗi đau cả thể xác và tinh thần dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

## **3. Cuộc gặp gỡ giữa Xô-cô-lốp và cậu bé Va-li-a:**

- Va-li-a là một cậu bé chừng 5-6 tuổi sống lang thang mặt mũi lem luốc, bụi bặm, bản như ma lem, đầu tóc rối bù. Thằng bécưng mất hết người thân trong chiến tranh.

- Anh đau đớn và xúc động khi biết hoàn cảnh của cậu bé, đến mức: “Những giọt nước mắt nóng hổi sôi lên ở mặt”. Từ sự xúc động ấy anh quyết định nhận bé Va-li-a làm con, tạm thời nói dối là cha của đứa bé để từ đây họ sẽ nương tựa vào nhau, sưởi ấm tâm hồn cho nhau.

- Kể từ đây An-đrây dành tất cả tình thương cho đứa con mới của mình. và cũng nhờ đó mà nó bớt đi nỗi đau trong anh. Đúng là chỉ có tình thương mới chữa lành được vết đau trong trái tim. Và, đó là phần thứ hai trong tính cách Nga.

- An-đrây Xô-cô-lốp đã nén nỗi đau riêng để đem lại niềm vui cho chú bé. Giờ đây anh lại chịu đựng tất cả gánh nặng mất mát để cho tâm hồn thơ ngây của bé Va-li-a được thanh thản. Đây cũng là truyền thống quý báu của người Nga: Hãy luôn quý trọng, bảo vệ, thương xót những giọt nước mắt trẻ thơ, đừng bao giờ làm tổn thương trái tim em bé, phải biết tổ chức cuộc sống thế nào để trẻ em được sung sướng, hạnh phúc. Hãy chăm sóc tốt cho những đứa trẻ bất hạnh vì chiến tranh.

## **4. Thái độ và tình cảm của nhà văn thể hiện trong truyện:**

- Truyện “Số phận con người” được xây dựng theo truyện lồng ghép => Có hai nhân vật kể chuyện: An-đrây Xô-cô-lốp và tác giả.

- Tác giả khuôn theo cách nói năng, tâm tính, giọng điệu... của nhân vật thông qua đó vẫn bộc lộ được tình cảm của mình đối với số phận các nhân vật.

- Thông qua một số đoạn trữ tình ngoại đề nhà văn thể hiện thiện cảm đặt biệt đối với nhân vật.

- Trước số phận trớ trêu, bi thảm của con người. Sô-lô-khốp bất giác để lộ sự đồng cảm và lòng nhân hậu của chính tác giả.



# ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ

- Hêminguê -

## I. TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

### 1. Tác giả:

- Hêminguê sinh năm 1899, là nhà văn lớn của Mỹ và thế giới.  
- Trong thế chiến thứ nhất, ông làm lái xe cứu thương cho hội chữ thập đỏ ở mặt trận Italia. Kết thúc chiến tranh, ông trở về nước Mỹ với một tấm huy chương và đôi nạng gỗ, và được đón tiếp như những người anh hùng. Song, ông cũng sớm nhận ra bản chất của chiến tranh đế quốc và tự xem mình thuộc thế hệ *mất mát, thế hệ vút đi*.

- Năm 1923, ông sang Pháp làm báo và viết văn. Ông có xuất bản được một cuốn sách *Ba truyện ngắn và mười bài thơ* nhưng không nhiều người biết đến. Cho đến khi tiểu thuyết *Mặt trời vẫn mọc* (1926) ra đời, ông mới khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn. Sau đó, Hêminguê cho ra đời một loạt tác phẩm về chủ đề phản đối chiến tranh như *Giã từ vũ khí*, *Chuông nguyện hồn ai*,...

- Trong thế chiến thứ 2, ông tích cực tham gia các hoạt động chống phát - xít, ông đã từng dùng du thuyền của mình đi săn tàu ngầm phát xít trên biển. Hêminguê là một trong những người đầu tiên đổ bộ vào giải phóng Pari.

- Năm 1952, ông viết *Ông già và biển cả*, hai năm sau (1954) ông được nhận giải thưởng No-ben văn học.

- Hêminguê là nhà văn đề xướng một phương pháp sáng tác văn học mới, đó là theo *nguyên lí tảng băng trôi*. Nghĩa là, một tác phẩm văn học phải như một tảng băng trôi, 1 phần nổi, 7-8 phần chìm. Nguyên lí này ra đời để chống lại cái tô vẽ chủ quan hiện thực cuộc sống của văn học lãng mạn đương thời. Hêminguê chủ trương tước bỏ trang sức của tác phẩm văn học; nhà văn không trở thành cái loa phát ngôn trực tiếp cho mọi ý tưởng tác phẩm, mà tư tưởng tác phẩm phải thông qua hệ thống nhân vật, qua các hình ảnh biểu tượng, chi tiết nhiều ý nghĩa.

- Thời gian cuối đời, Hêminguê chủ yếu sống ngoài nước Mỹ (nhiều nhất ở Cuba). Một sáng chủ nhật năm 1961, cả thế giới kinh hoàng khi nghe tin Hêminguê tự sát tại nhà riêng. Tuy nhiên, ông đã kí gửi tại thư viện Kenody 22 kg bản thảo.

**2. Tác phẩm:** Viết 1952 và được xem như tác phẩm quyết định giải thưởng Nobel của Hêminguê.

## II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

### 1. Tóm tắt :

Lão chài Xanchiagô sống cô độc trong một túp lều trên bờ biển ngoại ô thành phố LaHabana. Đã 84 ngày đêm ra khơi mà chẳng câu được một con cá nào. Lần này ông lại ra khơi, đưa thuyền đến tận vùng Giếng Lớn nơi nước sâu và có nhiều cá. Buông câu từ sáng

sớm mãi đến non trưa phao câu mới động đậy. Cá mắc câu kéo chiếc thuyền chạy. Lão gò lưng, gập mình kéo lại. Từ trưa tới chiều, rồi một ngày một đêm nữa trôi qua. Bàn tay bị dây câu cứa rách nát ứa máu. Không một mẩu bánh bở vào bụng. Chân tê dại, tay trái bị chuột rút, mệt lả nhưng lão không chịu buông tha: “Minh sẽ cho nó biết sức con người có thể làm được gì và chịu đựng được đến đâu! ». Sáng ngày thứ 3 cá đuối dần, lão chài dùng lao đâm chết cá, buộc cá vào đuôi thuyền, hân hoan trở về bến. Con cá nặng độ 6, 7 tấn dài hơn thuyền khoảng 7 tấc. Trong đêm, đàn cá mập đuối theo chiếc thuyền, lăn xả vào đóp và rìa con cá kiếm. Lão dùng mái chèo quật tới tấp vào đàn cá dữ trong đêm tối. Khi lão về tới bến, con cá kiếm chỉ còn lại bộ xương. Lão nằm vật ra lều ngủ thiếp đi, “mơ thấy đàn sư tử”. Sáng hôm sau, bé Manôlin chạy sang lều rồi đi gọi bạn chài đến săn sóc ông. Ông lại nhờ thằng bé chuẩn bị vật dụng để tiếp tục ra khơi.

## **2. Phân tích:**

### **a. Hình tượng con cá kiếm:**

- Ngoại hình: Cục lớn, đuôi lớn hơn chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng... Ngoại hình đó toát lên sức mạnh ghê gớm và sự oai phong, đỉnh đạc, ngay cả khi đã đuối sức.

- Trong cuộc chiến đấu với ông lão:

+ Cá kiếm là đối thủ ngang sức, ngang tài với ông lão. Khi mới mắc câu nó đã bình tĩnh lượn những vòng tròn lớn. Những vòng lượn được nhắc lại rất nhiều lần, gọi ra được vẻ đẹp hùng dũng, ngoan cường của con cá trong cuộc chiến đấu ấy.

+ Khi cuộc chiến đấu đã tới chặng cuối, hai đối thủ đều dốc sức tấn công và dốc sức chống trả. Con cá đã tìm mọi cách để thoát ra khỏi lưỡi câu, nó dùng "một cú quật đột ngột và cú nhảy mạnh ở sợi dây mà lão đang níu bằng cả hai tay". Khi đã đuối sức những vòng lượn của nó hẹp dần. Nó đã yếu đi nhưng nó vẫn không khuất phục mà "hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng".

+ Khi bị mũi sắt của ông lão cắm phập vào sườn, bằng vẻ kiêu hùng và nhanh đến bất ngờ, nó phóng vút lên, phô hết tầm vóc khổng lồ và sức mạnh.

=> Con cá kiếm đã bộc lộ những phẩm chất cao quý như một con người đúng nghĩa. Nó không làm đắm thuyền, không lặn sâu xuống làm đứt dây câu mà chấp nhận cuộc đấu sức một cách sòng phẳng là mãi miết kéo ông lão ra khơi xa. Như thế cá kiếm vừa là đối tượng chinh phục của ông lão vừa là người anh em của ông lão.

- Con cá kiếm mang ý nghĩa biểu tượng. Nó là đại diện cho hình ảnh thiên nhiên tiêu biểu cho vẻ đẹp, tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên. Trong mối quan hệ phức tạp giữa con người với thiên nhiên không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù.

### **b. Hình tượng ông lão:**

- Khát vọng ra khơi là để giải xui, tìm một con cá to để khẳng định sự tồn tại của mình. Khi mặt trời mọc lần thứ 3 cũng là lúc lão chiến đấu với đối thủ của mình. Một mình giữa biển cả bao la, ông lão thật đơn độc và tội nghiệp: kiệt sức, mồ hôi ướt đầm, hoa mắt,

con đói, khát hành hạ,... Vậy mà vẫn kiên cường giữa đại dương, hạ gục đối thủ. Đó cũng là sức mạnh của con người trong quá trình chinh phục tự nhiên, là ý chí, nghị lực của con người.

- Hành trình hạ gục đối thủ được miêu tả sống động, là hành trình nhọc nhằn, vất vả nhưng đầy say mê. Kiên cường chống trọi với những cơn đau, cơn khát, đói, sự già nua để đạt tới mục đích: chinh phục con cá kiếm.

- Người tài nghệ và dũng cảm, không buông câu vì danh dự, vì khát khao chinh phục.

**3. Nghệ thuật:** Đối lập, tương phản được sử dụng triệt để; thể hiện sinh động nguyên lí *tảng băng trôi*: sự kiện giản lược tối đa, hình ảnh, chi tiết chọn lọc và nghĩa biểu tượng cao.

## THUỐC

- Lỗ Tấn -

### I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.

#### 1. Tác giả:

- Lỗ Tấn (1881-1936) tên thật là Chu Thụ Nhân, quê ở Chiết Giang - Trung Quốc, sinh ra trong một gia đình quan lại sa sút.

- Bút danh Lỗ Tấn được ghép từ họ mẹ và kỉ niệm tuổi học trò của nhà văn với hai chữ “*tấn hành*”.

- Năm 13 tuổi, cha lâm bệnh nặng và mất, Lỗ Tấn ôm mộng học thuốc từ đó. Nhưng do nhà nghèo, ông phải vào học ngành khai mỏ và hàng hải để có học bổng và cũng để thực hiện mơ ước được làm giàu cho đất nước và đi đây đi đó mở mang tầm mắt.

- Học giỏi, ông được sang Nhật du học và đã chọn ngành y để học với mong muốn chữa bệnh cho người nghèo như cha mình.

- Một lần đi xem phim, nhìn thấy cảnh những người Trung Quốc khoẻ mạnh hồ hởi đi xem người Nhật tử hình một người Trung Quốc làm gián điệp cho Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật. Lỗ Tấn giật mình, nghĩ: *Chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần*, thế là ông chuyển sang viết văn. Trong văn chương, Lỗ Tấn chủ trương, dùng ngòi bút để phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân và lưu ý mọi người cách chữa trị.

- Phong cách của Lỗ Tấn có thể hình dung như một phích nước nóng, ngoài lạnh trong nóng. Nghĩa là, ngôn ngữ lạnh lùng, tinh táo đôi khi đến tàn nhẫn nhưng chứa đựng một bầu nhiệt huyết sục sôi.

- Điều đáng quý ở Lỗ Tấn là lịch sử nhiều biến động, cuộc đời nhiều thăng trầm, có lúc ông *bàng hoàng*, đôi khi lại *gào thét* nhưng ông vẫn kiên định con đường đã chọn.

- Năm 1981, Lỗ Tấn được phong tặng danh hiệu Danh nhân văn hoá thế giới.

- Tác phẩm tiêu biểu: Tập truyện *Bàng hoàng*, *Gào thét*, truyện *AQ chính truyện*,...

**2. Tác phẩm “Thuốc”:** viết năm 1919 và in trong tập *Gào thét*.

### II. NỘI DUNG TÁC PHẨM.

**1. Tóm tắt tác phẩm:** Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm xé. Xã hội Trung Quốc biến thành nửa phong kiến nửa thuộc địa. Thế nhưng nhân dân lại an phận chịu nhục. Đó là căn bệnh đờn hèn cản trở nghiêm trọng con đường giải phóng dân tộc. *Thuốc* ra đời đúng vào hoàn cảnh ấy như một lời cảnh tỉnh những ai còn ngơ ngác trước thời cuộc.

Câu chuyện mở đầu vào một đêm thu gần về sáng, lão Hoa Thuyên đi đến pháp trường để mua thuốc cho con trai bị ho lao. Nghe người ta mách: *bánh bao tẩm máu người tử tù chết chém* có thể chữa khỏi bệnh lao. Đến pháp trường lúc gần sáng, lão gặp toàn những con người kì lạ, đi đi lại lại như những bóng ma. Một lát, có người đem thuốc đến cho lão: *một cái bánh bao huộm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt từng giọt*, lão sung sướng đem

cái bánh bao về nhà. Tại quán nhà lão Hoa Thuyên, trong khi hai vợ chồng đang làm thuốc cho con thì khách kéo đến quán trà mỗi lúc một đông, người ta nói chuyện về nỗi khổ của gia đình lão, về phương thuốc lão mới lấy về và về kẻ bị xử chém hôm nay. Đa phần những người trong quán đều cho rằng: Hạ Du - người chiến sĩ cách mạng bị xử chém - là thằng điên, kẻ chán sống. Và, trước sau họ vẫn tin: thằng Thuyên sẽ khỏi.

Tiết thanh minh năm ấy, tại nghĩa địa phía tây thành, một bên là những người chết chém hoặc chết tù và một bên là những người nghèo. Bà mẹ của Hạ Du và bà Hoa Thuyên đã gặp nhau ở đó. Họ đều thấy trên mộ của Hạ Du một vòng hoa, mẹ Hạ Du oà khóc. Khi hai bà mẹ ra về, một con quạ xoè đôi cánh, nhún mình lao về phía chân trời.

## **2. Nội dung cụ thể.**

### **a. Thuốc - một tiêu đề nhiều tầng nghĩa.**

- Tầng nghĩa thứ nhất: Là phương thuốc chữa bệnh lao lạc hậu của người dân Trung Hoa: dùng bánh bao tẩm máu người để chữa bệnh.

- Tầng nghĩa thứ hai: Phương thuốc chữa bệnh tinh thần u mê cho người dân Trung Hoa - thứ thuốc mà những người dân Trung Quốc lúc đó xem như là thuốc tiên thực chất đã giết chết người bệnh.

- Tầng nghĩa thứ ba: Phương thuốc chữa căn bệnh xa rời quần chúng của người chiến sĩ cách mạng. Liều thuốc độc ấy lại được pha chế từ máu người cách mạng - một người cách mạng dũng cảm, hiên ngang, xả thân vì nghĩa lớn... Vậy mà mọi người lại dùng dung mua máu của họ để chữa bệnh, xem họ là *thằng điên, thằng chán sống*.

### **b. Hình tượng người chiến sĩ cách mạng Hạ Du.**

- Một trong những nhà cách mạng tiên phong của cách mạng Trung Hoa đầu thế kỷ XX, có lí tưởng rõ ràng: đánh đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập dân tộc; Hạ Du hiên ngang trước cái chết, tuyên truyền lí tưởng cho cai ngục.

- Lí tưởng và hành động của Hạ Du lại được nhận thức méo mó, sai lệch của quần chúng. Trong mắt họ, Hạ Du là *thằng khùng, nhãi ranh chán sống, là giặc, đồ điên*,... Điều này cho thấy, không chỉ có sự mê muội của quần chúng mà còn có cả những sai lầm của những người làm cách mạng.

### **c. Ý nghĩa một số hình tượng.**

- Hình ảnh nghĩa địa mang nhiều ý nghĩa: Thứ nhất, người chết chém và chết tù để chung là không phân biệt người làm cách mạng và kẻ trộm cướp; thứ hai, người bị chính quyền giết chết cũng nhiều như dân thường.

- Hình tượng con đường ở nghĩa địa: diễn tả một thói quen, một nếp nghĩ; là danh giới vô hình của lòng người

- Vòng hoa trên mộ: là sự thấu hiểu, tiếc thương trân trọng và niềm lạc quan về tiền đồ cách mạng Trung Hoa.

## PHẦN 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

### A. NGHỊ LUẬN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG.

#### 1. Trình tự tiến hành bài viết: Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Trình bày tóm tắt hiện tượng đời sống mà anh (chị) đề cập: nêu nội dung, phạm vi sự việc.

- Thực trạng, biến thái của hiện tượng.

- Bản chất hiện tượng: nguyên nhân, xu thế, ảnh hưởng, hậu quả.

- Nêu rõ cảm xúc, thái độ, đánh giá của anh (chị) về hiện tượng.

#### 2. Một số đề bài tham khảo:

**Đề 1:** *Suy nghĩ của anh (chị) về vai trò, ảnh hưởng của Internet tới cuộc sống thanh niên hiện nay.*

##### 1. Mở bài:

- Vai trò: là kênh thông tin, phương tiện đắc lực giúp con người mở mang tri thức, trao đổi, chia sẻ tình cảm, kinh nghiệm.

- Mối quan hệ tất yếu giữa đời sống của thanh niên và thế giới trên Internet.

##### 2. Thân bài:

- *Vai trò tích cực:* phương tiện trao đổi tri thức toàn cầu, ảnh hưởng mọi phạm vi đời sống: văn hóa, kinh tế, chính trị...

- *Nguy cơ tiềm ẩn từ Internet:*

+ Những trang web kích động bạo lực, tình dục.

+ Trò chơi điện tử.

+ Hình thức giao tiếp: chat, email... lạm dụng sẽ mất thời gian, phân tán sức lực, trí tuệ.

- *Đánh giá của anh (chị):*

+ Mục đích dùng Internet của học sinh- sinh viên là gì?

+ Thực trạng: tích cực, tiêu cực.

+ Cần phát huy mặt tích cực, khắc phục nguy cơ tiềm ẩn từ việc khai thác Internet như thế nào?

- *Trải nghiệm bản thân:*

+ Anh (chị) dùng Internet với mục đích gì?

+ Hiệu quả.

##### 3. Kết bài:

- Hiệu quả

- Tác hại.

**ĐỀ 2:** Qua thông điệp : "*Trái đất là ngôi nhà chung của chúng ta*" anh (chị) có suy nghĩ gì về vấn đề môi trường và trách nhiệm của cá nhân?

1. Mở bài:

- Trái đất đang bị ô nhiễm trầm trọng vì hoạt động khai thác, sản xuất.

- " Trái đất là ngôi nhà chung" nhưng chúng ta đang phá ngôi nhà của mình.

2. Thân bài:

- Quan hệ không thể tách rời giữa con người và môi trường sống:

+ Môi trường là điều kiện sinh tồn của con người, tất cả những gì con người có được đều là từ môi trường: không khí, thức ăn, nước uống...

+ Con người là một phần trong quần thể sinh vật và thế giới tự nhiên.

- Thực trạng:

+ Môi trường ngày càng xấu đi: đất ô nhiễm, nước nhiễm độc.....

+ Nguyên nhân: con người khai thác quá mức, sống thiếu trách nhiệm với môi trường, xu thế công nghiệp hóa- hiện đại hóa.

- Hậu quả: thực phẩm bị ô nhiễm vì hóa chất, dịch bệnh hoành hành, đói vì thiếu lương thực do đất đai bạc màu, năng lượng khan hiếm...

- Giải pháp:

+ Xử lý nước thải, khí thải, rác thải, tiết kiệm năng lượng....

+ Giữ vệ sinh môi trường, tiết kiệm tiêu dùng...

- Trải nghiệm, định hướng

3. Kết bài:

- Mỗi người đều có thể làm cho ngôi nhà chung đẹp hơn, an toàn hơn.

- Chấm dứt hành động tàn phá môi trường, bắt tay để làm cho Trái đất thực sự là ngôi nhà chung bình yên, tươi đẹp.

**ĐỀ 3:** Suy nghĩ của anh (chị) về trách nhiệm của học sinh trong cuộc vận động "*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*"

1. Mở bài:

Trong nhà trường, xã hội hiện nay, tình trạng chạy theo thành tích, không chú ý thực chất là một vấn nạn. Cuộc vận động này góp phần điều chỉnh mục đích dạy học trong nhà trường.

## 2. Thân bài:

- Giải thích nội dung, ý nghĩa, mục đích cuộc vận động:

+ Nội dung: hướng tới hoạt động dạy và học.

+ Mục đích: nâng cao chất lượng dạy học.

+ Ý nghĩa: đảm bảo cho giáo dục lành mạnh, tiến bộ.

- Thực trạng:

- Hoạt động của bản thân, tập thể hướng tới cuộc vận động.

- Xác định mục đích học tập, thái độ, hành động cụ thể.

## 3. Kết bài:

- Nâng cao chất lượng học tập là trách nhiệm nhà trường, xã hội, cá nhân.

- Chỉ có kiến thức, hiểu biết thực sự của quá trình học tập, rèn luyện mới đem tới giá trị chân thực, đóng góp tích cực cho cộng đồng.

**ĐỀ 4: Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.**

### 1. Mở bài:

- Tai nạn giao thông là một trong những nguyên nhân chính gây nên cái chết thương tâm của lứa tuổi học đường.

- Để giảm bớt tai nạn giao thông, mỗi người đặc biệt là bạn trẻ cần nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức pháp luật để tự bảo vệ mình và bảo vệ cộng đồng.

### 2. Thân bài:

- Thực trạng đáng lo ngại của vấn đề an toàn giao thông: dựa quan sát, trải nghiệm bản thân ở địa phương.

- Tiêu cực:

+ Ý thức tham gia giao thông của tuổi trẻ học đường

+ Nguy cơ xảy ra do ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Tích cực:

- Giải pháp;

- Những trải nghiệm, suy nghĩ, hành động, ý thức chấp hành pháp luật của anh (chị) khi tham gia giao thông.

### 3. Kết bài:

- An toàn giao thông không phải là vấn đề của riêng ai, mỗi người đều phải đối mặt và có trách nhiệm giải quyết.



- Tuổi trẻ cần phát huy tối đa vai trò tích cực của mình để giải quyết vấn đề này

## **B. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC.**

### **1. Trình tự tiến hành bài viết: Nghị luận về một tư tưởng đạo lý.**

- Thể hiện cách hiểu về vấn đề bàn luận: Giải thích các khái niệm trong đề bài.
- Minh chứng điều vừa giải thích bằng thực tế hoặc trong sách vở (hãy luôn nghĩ đến tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở kiểu bài này).
- Thể hiện suy nghĩ của bản thân về vấn đề nghị luận.
- Gửi thông điệp đến người đọc.

### **2. Một số đề bài tham khảo :**

**Đề 1:** Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói: "*Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường, không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống*" (Lép Tôn- xtôi).

#### 1. Mở bài:

- Điều quan trọng nhất trong cuộc sống con người: có mục đích, khát vọng hướng tới những giá trị tinh thần cao đẹp, hướng tới lí tưởng và kiên trì thực hiện lí tưởng.
- Khẳng định tính xác đáng của nhận định, giới thiệu ngắn gọn về nhà văn- kiên trì cống hiến cho lí tưởng.

#### 2. Thân bài:

- Lí tưởng là gì? những tư tưởng, những giá trị tinh thần cao đẹp mang tính tích cực, tiến bộ, định hướng cho cuộc sống, nâng cao vẻ đẹp con người, soi sáng đời sống tinh thần và hành động con người, khác với tham vọng, dục vọng.
- Lí tưởng chung: về công bằng, dân chủ, nhân văn, yêu nước...tạo lập đời sống tươi sáng hơn.
- Lí tưởng riêng: khát vọng tốt đẹp phù hợp với giá trị tinh thần của nhân loại: tri thức, cuộc sống hài hòa...

- Cuộc sống thiếu lí tưởng: sống vị kỉ, dễ buông thả, vô nghĩa...

- Lí tưởng bản thân và định hướng thực hiện lí tưởng:

+ Anh (chị) có lí tưởng gì?

+ Tại sao anh (chị) xác định cho mình lí tưởng đó?

+ Hành động cụ thể để thực hiện lí tưởng.

#### 3. Kết bài:

- Lí tưởng không chỉ là tư tưởng, mơ ước, khát vọng mà còn là hành động để thực hiện mơ ước, khát vọng ấy.

- Khát vọng đạt đến lí tưởng là hướng tới sự tự hoàn thiện.

**ĐỀ 2:** Anh (chị) có suy nghĩ gì qua thông điệp "*Tri thức là sức mạnh*" (Phơ- rãng – xit Bê-con)

1. Mở bài:

- Vai trò của tri thức đối với đời sống con người: con người là sinh vật duy nhất biết tích lũy tri thức, sáng tạo tri thức; tri thức giúp con người làm chủ cuộc sống...

- Dẫn chính xác nhận định

2. Thân bài:

- Tri thức:

+ Nghĩa rộng: vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội, con người

+ Nghĩa hẹp: kiến thức tích lũy được của mỗi con người.

- Tri thức là sức mạnh trên mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống, mọi phạm vi của xã hội.

+ Khoa học, quân sự, kinh tế, đời sống cá nhân...

+ Thiếu hụt tri thức gây nên khó khăn, trở ngại cho cuộc sống.

- Trải nghiệm cá nhân:

3. Kết bài:

- Không có tri thức không thể hội nhập vào dòng chảy mạnh mẽ của đời sống.

- Mỗi con người cần học tập, trau dồi tri thức không ngừng.

**ĐỀ 3:** "*Tôn sư trọng đạo*" truyền thống trong nhà trường và xã hội.

1. Mở bài:

- Dẫn nhập bằng tiền đề: "*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*"; "*Không thầy đố mày làm nên*".

- Nêu ấn tượng, trải nghiệm cá nhân sâu sắc liên quan đến nhận định.

2. Thân bài:

- Nguồn gốc của truyền thống "*Tôn sư trọng đạo*": quan niệm Nho giáo về sự học và vai trò của người thầy.

- Văn hóa Việt: nét đẹp mang tính nhân văn trong ứng xử: thái độ yêu kính thầy, coi trọng tri thức, ham học hỏi...

- Giá trị của truyền thống "*tôn sư trọng đạo*" là nguồn mạch để kiến tạo nền học vấn của các thế hệ con người Việt Nam.

- Hạn chế: trò còn lệ thuộc vào thầy, chưa chủ động nên học tập còn máy móc, thiếu sáng tạo.

- Hiện tượng vi phạm truyền thống: coi thường tri thức toàn diện, chạy theo thành tích.

- Biểu hiện tích cực, tốt đẹp: gần gũi, chan hòa của quan hệ thầy trò, tinh thần học tập tích cực.

- Trải nghiệm, suy nghĩ bản thân.

### 3. Kết bài:

Truyền thống "*Tôn sư trọng đạo*" trong nhà trường và xã hội có những biến đổi nhưng vẫn giữ giá trị cao đẹp.

**Đề 4:** "*Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình*". Suy nghĩ của anh (chị) về mục đích học tập do UNESCO đề xướng.

#### 1. Mở bài:

- Nêu một kỉ niệm sâu sắc với việc học tập của bản thân.

- Việc học tập đem lại cuộc sống thực sự có giá trị, ý nghĩa

#### 2. Thân bài:

- Ý nghĩa của mục đích học tập:

+ Ý nghĩa cụ thể của từng mục đích học tập.

+ Mối quan hệ giữa các mục đích.

- Giá trị việc học tập những mục đích tốt đẹp.

- Tấm gương nỗ lực học tập với mục đích tốt đẹp.

- Không có mục đích học tập đúng đắn con người mắc sai lầm gì?

- Trải nghiệm bản thân;

+ Xác định mục đích học tập như thế nào?

+ Làm gì để thực hiện mục đích học tập của mình?

#### 3. Kết bài:

- Luận cứ mang tính gợi mở: Học! Học nữa! Học mãi.

- Nêu tư tưởng ở cuối bài để chốt ý.

- Dùng câu hỏi để gợi mở vấn đề.